CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
DN: 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0314524981, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG, st=Hồ Chí Minh, c=VN
Date: 2023.04.19 18:34:20 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Lô TH - 1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam

(028) 5411 1557

info@asiagroup-vn.com

www.asiagroup-vn.com

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

ASIA INGREDIENTS GROUP
Your True Partner

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

ĐỐI TÁC TIN CẬY CỦA BẠN

DẪN ĐẦU

NGUYÊN LIỆU

ƯU VIỆT

CÔNG NGHỆ

TIÊN PHONG

NGHIÊN CỨU

YOUR TRUE PARTNER

ĐỐI TÁC TIN CẬY CỦA BẠN

THÔNG ĐIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên,

Chặng đường hơn 21 năm hình thành và phát triển đã đánh dấu nhiều cột mốc nổi bật của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên Tập đoàn Nguyên Liệu Á Châu AIG (ASIA Group). Với xuất phát điểm là **NHÀ THƯƠNG MẠI**, sau đó là **NHÀ SẢN XUẤT**, chúng tôi không ngừng nâng cao vị thế thông qua việc đầu tư **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU** để mang đến sản phẩm và dịch vụ tối ưu cho khách hàng.

Chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nhằm tối ưu hóa nguồn nguyên liệu dồi dào và phong phú của "Dải đất hình chữ S", nhằm nâng cao hơn nữa giá trị nguyên liệu Việt Nam tại thị trường trong nước cũng như quốc tế, đồng thời giúp ổn định đời sống của người nông dân Việt Nam.

ASIA INGREDIENTS GROUP
Your True Partner

Bên cạnh việc tạo lập công ty vững mạnh, mang đến lợi ích cao nhất cho cổ đông, đem đến cuộc sống ổn định cho nhân viên, chúng tôi luôn cam kết hành động và đóng góp nhiều hơn nữa cho cộng đồng.

Các hoạt động của chúng tôi luôn xoay quanh tôn chỉ **"GIÚP MÌNH - GIÚP NGƯỜI - GIÚP ĐỜI".**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thiên Trúc

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh
Tổ chức nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, cơ cấu kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
Tên Tiếng Anh	AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION
Giấy CNĐKDN	0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 19/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 19/01/2023.

Vốn điều lệ
(VND)

1.706.012.980.000

Địa chỉ	Lô TH - 1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam
Số điện thoại	(028) 5411 1557
Số fax	(028) 5411 1667
Website	www.asiagroup-vn.com

ĐỐI TÁC TIN CẬY CỦA BẠN

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2001
Thành lập CTL

2004
Đổi tên thành ATL

2007
Thành lập Công ty CP Hóa Chất Á Châu - ACC

2009
Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột kem không sữa AFI - Asia Saigon Food Ingredients

2011
Mekong Enterprise Fund II đầu tư vào ACC

2014
PENM Partner Capital đầu tư vào ACC

2015
Xây dựng, đầu tư: ACP, AIC, GF

2016
Đầu tư nhà máy chế biến nông sản APIS

2017
Thành lập ASIA GROUP

2018
NewQuest Capital Partners đầu tư vào Tập đoàn Á Châu. Đầu tư nhà máy chế biến tinh bột sắn AHS - Asia Hoa Son Corporation. Hợp nhất 8 công ty thành viên. Thành lập Trung tâm nghiên cứu

2019-Nay
Doanh nghiệp vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh với vốn điều lệ: 1.706.012.980.000 đồng, 10 công ty thành viên, 1 trung tâm nghiên cứu, 2 Quỹ đầu tư

TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn hàng đầu Việt Nam và Châu Á chuyên cung cấp giải pháp kỹ thuật, nguyên liệu và các sản phẩm dinh dưỡng trong lĩnh vực thực phẩm

SỨ MỆNH

Cam kết mang đến cho đối tác những giải pháp kỹ thuật và nguyên liệu tối ưu, tiên tiến nhất nhằm cùng tạo ra những sản phẩm chất lượng góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp với những cơ hội phát triển toàn diện cho nhân viên.

Mang lại lợi ích bền vững cho cổ đông và đối tác.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi (không hoạt động tại trụ sở) (CPC 742)	5210 (Chính)
2	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC: 865)	7020
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản) (không hoạt động tại trụ sở)	6810
4	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm công nghệ; Sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	1079
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa (CPC 748) (không hoạt động tại trụ sở) .	5229
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: môi giới thương mại	7490
7	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC 864, trừ CPC 86402)	7320
8	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống (CPC 8421). Dịch vụ phân tích hệ thống (CPC 8422). Dịch vụ thiết kế hệ thống (CPC 8423). Dịch vụ lập trình (CPC 8424). Dịch vụ bảo dưỡng hệ thống (CPC 8425)	6202
9	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Các dịch vụ máy tính khác (CPC 849)	6209

ASIA GROUP

Thị trường chính của Tập đoàn trải dài lãnh thổ Việt Nam và các thị trường nước ngoài.

ĐỐI TÁC

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông: là một phần trong cơ cấu tổ chức của công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đây là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc: là cơ quan điều hành công việc kinh doanh của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

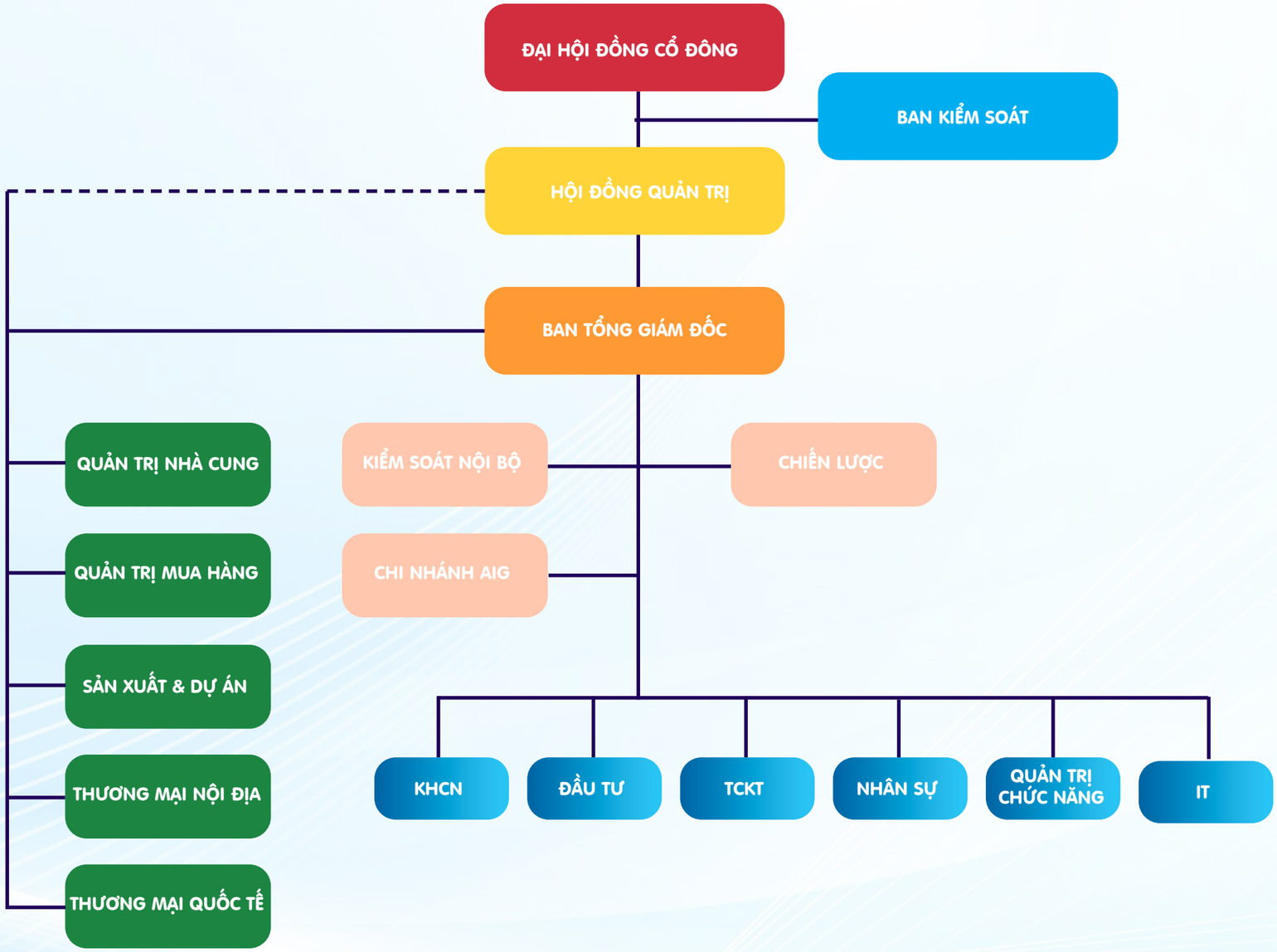

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CƠ CẤU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty cổ phần Tảo Vĩnh Hảo (TVH)	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong, Bình Thuận	Sản xuất Tảo Sprirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản.	Gián tiếp	49%
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu (ACI)	Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	Gián tiếp	40%
Công ty Cổ phần sinh phẩm Nature ACH	Số 19 Đường 18, Khu Phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Gián tiếp	30%

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CON

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CƠ CẤU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu (ACC)	Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, và bánh kẹo.	Trực tiếp	96,34%
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (AFI)	Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.	Trực tiếp	64,01%
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (ACP)	Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bộ sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa).	Trực tiếp	73,42%

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CON

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CƠ CẤU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Apis (APIS)	Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.	Trực tiếp	76,96%
Công ty TNHH Thực Phẩm AFC (AFC)	Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Trực tiếp	100%
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (AHS)	Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột, sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	Trực tiếp	65%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") (*)	Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Trực tiếp	99,98%
Công ty cổ phần Công nghệ nông sản Á Châu (ATC)	Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.	Trực tiếp	99,18%
Asia Chemical Corporation(ACC) Pte.Ltd (ACC PTE)	160 Robinson Rd, #26-04 SBF Center, Singapore 068914	Tư vấn doanh nghiệp và quản lý, kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung)	Gián tiếp	96,34%
Công ty TNHH Á Châu Healthcare (AHC)	Số 01, Đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	Gián tiếp	91,52%

(*) AIC được đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA") theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 04 năm 2023.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Mục tiêu của Asia Group là trở thành một tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam và Châu Á, chuyên cung cấp các giải pháp kỹ thuật, nguyên liệu và sản phẩm dinh dưỡng cho ngành công nghiệp thực phẩm.

Xây dựng đội ngũ nghiên cứu và phát triển sẵn sàng nắm bắt và đón đầu các xu hướng phát triển của thị trường qua đó cung cấp các giải pháp thương mại tiên tiến, tối ưu nhất cho khách hàng và các đối tác của Tập đoàn.

Nâng cao vị thế cạnh tranh của Tập đoàn trên thị trường bằng việc không ngừng mở rộng quy mô các nhà máy sản xuất thực phẩm với công nghệ chế biến hiện đại, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn tại những thị trường khó tính nhất.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nguyên liệu thực phẩm, Tập đoàn luôn cam kết lấy việc an toàn vệ sinh thực phẩm lên hàng đầu, mang lại sự hài lòng nhất dành cho khách hàng khi trải nghiệm sản phẩm của Tập đoàn.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Với mục tiêu duy trì vị thế là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu ở Việt Nam trong những năm qua, Asia Group sẽ tập trung củng cố và phát triển nội lực kèm theo đẩy mạnh hợp tác với các đối tác tiềm năng, uy tín trên thị trường.

Đầu tư cơ sở vật chất với các thiết bị, máy móc hiện đại được chọn lọc từ các nước tiên tiến, phục vụ nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm với mục đích đa dạng hoá và nâng cao chất lượng danh mục sản phẩm đáp ứng được thị hiếu của khách hàng và các đối tác.

Nâng cao năng lực quản trị toàn hệ thống bằng việc tối ưu hóa mô hình quản lý chuỗi cung ứng (kho bãi, quầy kệ, máy móc thiết bị vận hành kho, quy trình quản lý hàng hóa)... nhằm giảm thiểu chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

Tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai của Tập đoàn qua việc đào tạo, bồi dưỡng năng lực của đội ngũ quản lý và các nhân viên trong Tập đoàn, từ đó xây dựng một tập thể Tập đoàn có năng lực làm việc, thích ứng dễ dàng và đáp ứng mọi yêu cầu khắt khe nhất của thị trường.

Bằng việc mang lại giá trị cho cộng đồng thông qua các sản phẩm. Tập đoàn cũng mong muốn tạo nguồn thu nhập tốt cho mọi cán bộ và nhân viên. Tạo ra nhiều hơn các chương trình hỗ trợ người lao động và gia đình người lao động của Tập đoàn, rộng hơn nữa là hướng đến trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA TẬP ĐOÀN

Trong những năm qua, Tập đoàn luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, và điều này sẽ vẫn là mục tiêu hàng đầu của Tập đoàn trong những năm tiếp theo.

Để đạt mục tiêu phát triển bền vững, việc cải tiến và áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường là hướng đi ưu tiên với mọi hoạt động sản xuất, nghiên cứu của Tập đoàn. Các dự án mới phải được đánh giá và lựa chọn với tiêu chí đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn Bảo vệ Môi trường trong và ngoài nước.

Thiết lập mục tiêu hoạt động luôn hướng đến sức khoẻ, lợi ích của mọi tầng lớp khách hàng, Tập đoàn cố gắng nghiên cứu và cho ra đời những sản phẩm tốt nhất cũng như an toàn nhất cho sức khỏe của mọi đối tượng người tiêu dùng từ đó từng bước khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường và niềm tin đối với khách hàng.

Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng bằng cách hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn hoạt động. Tập đoàn đã và đang nỗ lực thực hiện mọi hành động vì cộng đồng và lan tỏa ảnh hưởng, thúc đẩy các bên cùng tham gia vì một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục Tổng kê Việt Nam, năm 2022, GDP tăng trưởng quý 1 là 5,05%, quý 2 là 7,83%, quý 3 là 13,71% và quý 4 là 5,92%; tính chung cả năm là 8,02%, cao hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra là 6,0-6,5%. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng với hầu hết các chỉ tiêu kinh tế đều đạt và đạt ở mức cao. Trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 147,7 nghìn tỷ đồng và tăng 46,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây được xem là mức tăng trưởng khá cao so với năm 2021 và nguyên nhân chính là xu hướng tiêu dùng của người dân tăng trở lại sau đại dịch. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tỷ lệ lạm phát của Việt Nam tính đến thời điểm hiện nay tăng 4,81% so với cùng kỳ năm 2021. Có rất nhiều nguyên nhân gây ra lạm phát nhưng nguyên nhân chủ yếu đến từ ảnh hưởng sau đại dịch Covid - 19 kéo dài suốt 2 năm qua, tổng cầu tăng đột biến làm đứt gãy chuỗi cung ứng, sản xuất nguyên liệu phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nước ngoài. Chỉ số này tăng cao sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tập đoàn chủ yếu là sản xuất và phân phối nguyên liệu thực phẩm nên lạm phát tăng cao cũng gây nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Thấu hiểu được các vấn đề trên, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã có những kế hoạch để ứng phó kịp thời trước những biến động khó lường trên. Tập đoàn thường xuyên quan tâm và nắm bắt kịp thời trước những biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước nhằm thích ứng và đưa ra những định hướng phát triển phù hợp.

RỦI RO VỀ GIÁ NGUYÊN LIỆU

Tập đoàn hiện đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành nguyên liệu thực phẩm nên chịu sự chi phối khá lớn từ giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Giá cả hàng hóa luôn rất khó đoán và đôi khi không phản ánh được đúng bản chất thực tế của cung - cầu. Trong khi đó, sự biến động giá cả thị trường toàn cầu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khác nhau như thay đổi về cung cầu, tình trạng thương mại giữa các quốc gia, tác động của các chính sách kinh tế và chính trị... sẽ gây áp lực lớn lên chi phí sản xuất và lợi nhuận của Tập đoàn. Ngoài ra, chiến tranh giữa Nga - Ukraine đang rất căng thẳng kéo theo những biến động về chi phí xăng dầu tăng cao và giá cả nguyên liệu đầu vào cũng tăng theo. Vì vậy, Ban lãnh đạo Tập đoàn luôn phải quan sát và theo dõi tình hình biến động trên nhằm đưa ra một mức giá hợp lý cho các đại lý cũng như ổn định được giá cả hàng hóa đầu ra.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một Tập đoàn phân phối và sản xuất nguyên liệu, thị trường hoạt động của Asia Group bao gồm cả trong và ngoài nước cho nên Asia Group không chỉ chịu tác động bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Môi trường, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp…mà còn chịu sự ảnh hưởng của quy định tại nước sở tại. Đặc biệt hơn, hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình hội nhập sâu rộng, nhiều hiệp định thương mại được ký kết như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU EVFTA, hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực RCEP. Cho nên những chính sách và quy định liên quan này là rất cần thiết cho quá trình hoạt động của Tập đoàn.

Để hạn chế rủi ro pháp luật tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của cả trong nước cũng như các nước sở tại; xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực. Ngoài ra, Tập đoàn cũng thường xuyên cập nhật những thay đổi trong chính sách và quy định liên quan đến hoạt động của Tập đoàn, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

CÁC RỦI RO (Tiếp theo)

RỦI RO CẠNH TRANH

Cạnh tranh là một trong những rủi ro mà Tập đoàn luôn đặc biệt chú ý, nhất là khi thị trường hàng hoá ngày càng đa dạng như hiện nay, khách hàng càng khắt khe hơn trong việc lựa chọn hàng hóa cho bản thân và gia đình. Vì vậy, việc đối mặt với nguy cơ cạnh tranh trong ngành là không thể tránh khỏi. Các nguy cơ cạnh tranh chính mà Tập đoàn có thể gặp phải bao gồm: Cạnh tranh trực tiếp từ các Tập đoàn sản xuất nguyên liệu thực phẩm khác và Cạnh tranh mất khách hàng quan trọng. Đặc biệt hơn, Tập đoàn còn gặp phải các đối thủ cạnh tranh đến từ thị trường Trung Quốc nên sự cạnh tranh này ngày càng trở nên gay gắt hơn.

Nắm bắt được điều đó, Asia Group đã không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu và phát triển giải pháp kỹ thuật mới có tính cạnh tranh trên thị trường. Tiêu biểu là hệ thống kho lạnh được đầu tư ở Bình Dương hợp tác cùng đối tác Thái Lan. Đây là dự án chuyên phục vụ cho chuỗi cung ứng thực phẩm được tự động hoá thông qua hệ thống các robot điều khiển bởi, được đánh giá là công nghệ hiện đại bậc nhất Việt Nam. Việc đầu tư xây dựng vào kho lạnh nhằm hoàn thiện hơn nữa chuỗi cung ứng thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm cũng là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn, hướng tới cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng là nhà sản xuất, phân phối thực phẩm.

RỦI RO LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro mà các doanh nghiệp đều phải hết sức quan tâm tại thời điểm hiện tại trong đó có Asia Group. Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, Asia Group có khoản vay ngắn và dài hạn với các ngân hàng và thế chấp bằng các tài sản cố định của Asia Group nên việc biến động của tình hình lãi suất ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Asia Group. Trong năm 2022, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã thực hiện những động thái tăng lãi suất điều hành với mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định thị trường tài chính. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 11, NHNN đã tăng 200 điểm cơ bản, gây ảnh hưởng đáng kể đến chi phí lãi vay của các doanh nghiệp.

Do vậy, Ban lãnh đạo Asia Group đề ra phương hướng tăng dự trữ hàng hóa, cùng với đó nhà quản trị cần theo dõi, phân tích, đánh giá và đưa ra những kịch bản ứng phó, xử lý sao cho phù hợp, để một mặt kiểm soát được rủi ro, lạm phát, một mặt ổn định được kinh tế vĩ mô, giữ được các cân đối lớn của nền kinh tế và có thể tranh thủ tận dụng được một số cơ hội. Asia Group luôn chủ động đa dạng hóa thị trường, đối tác và phải đa dạng hóa cả các đồng tiền thanh toán, để một mặt chúng ta có thể tranh thủ được các hiệp định thương mại tự do cũng như những thị trường lớn trên thế giới.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro chính, Tập đoàn còn chú ý đến các rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Những rủi ro này tuy hiếm xảy ra nhưng nó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Tập đoàn. Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, Tập đoàn luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm. Ngoài ra, Tập đoàn luôn chủ động phòng ngừa, có biện pháp xử lý kịp thời khi có vấn đề xảy ra, tiến hành mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản nhằm đảm bảo thiệt hại cho Tập đoàn, cán bộ nhân viên và nhà đầu tư.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- Báo cáo các tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

CƠ CẤU DOANH THU

STT	Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		%tăng/giảm
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
1	Doanh thu bán hàng hoá	6.994.403	72,22%	9.427.592	73,17%	34,79%
2	Doanh thu bán thành phẩm	2.687.231	27,75%	3.453.762	26,81%	28,52%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.121	0,03%	3.371	0,03%	8,00%
	Tổng cộng	**9.684.755**	**100%**	**12.884.725**	**100%**	**33,04%**

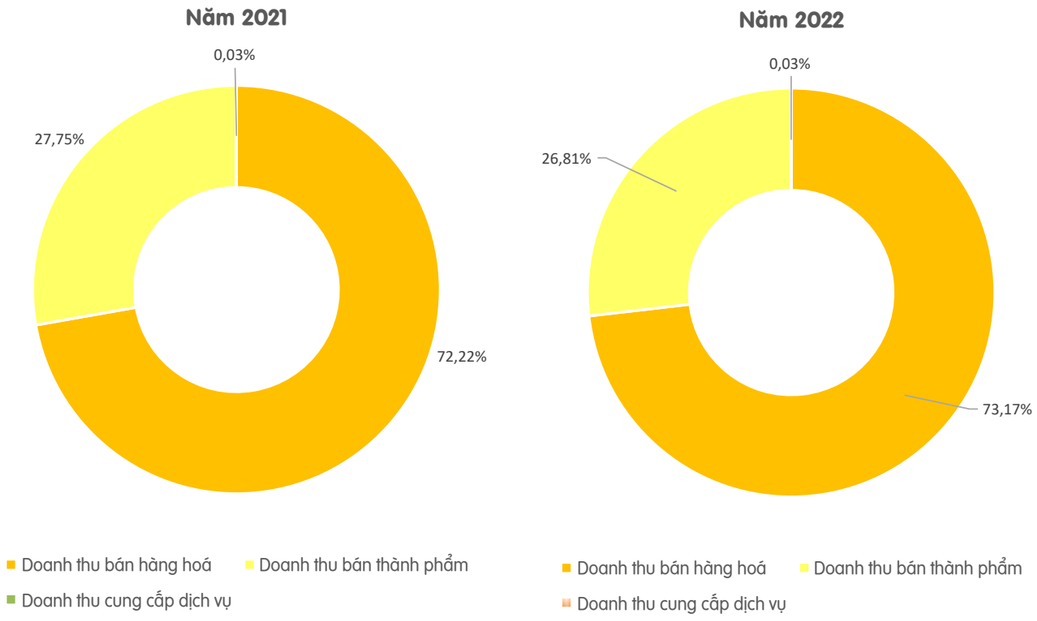

Năm 2022 là năm khó khăn đối với tình hình hoạt động kinh doanh của hầu hết tất cả các công ty trong nền kinh tế Việt Nam và Công ty cổ phần nguyên liệu Á Châu AIG cũng vậy. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo đã nỗ lực giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Kết quả là doanh thu thuần trong năm 2022 của Tập đoàn đã ghi nhận giá trị là 12.884.725 triệu đồng tăng 33,04% so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh thu từ bán hàng hóa năm 2022 đạt 9.427.592 triệu đồng, chiếm 73,17% doanh thu thuần; doanh thu bán thành phẩm đạt 3.453.762 triệu đồng, chiếm 26,81% doanh thu thuần; doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu thuần, đạt giá trị là 3.371 triệu đồng.

Có thể nhận thấy rằng 2022 là năm thứ 2 sau thời gian dài dịch bệnh, Tập đoàn vừa thực hiện mục tiêu tái cơ cấu vừa đảm bảo chất lượng đầu ra của sản phẩm cũng như tăng tính cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Các mục tiêu đề ra trong năm cũng đã đạt được nhiều thành công và đạt được mục tiêu đề ra. Chính vì vậy, Tập đoàn tin rằng, với chính sách rõ ràng, cụ thể, cùng với sự quyết tâm cao độ của đội ngũ quản lý doanh nghiệp và toàn thể người lao động, Tập đoàn sẽ tiếp tục hoàn thành tốt kế hoạch mà ĐHĐCĐ giao phó, tạo nền tảng cho sự phát triển sau này.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022 (triệu đồng)	Thực hiện 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu thuần	11.470.372	12.884.725	112,33%
Lợi nhuận sau thuế	763.713	795.206	104,12%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31/12/2022

Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cá nhân và đại diện	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	497.737	0,29%
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	1.123.400	0,66%
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	750.353	0,44%
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc tài chính/ Kế toán trưởng	191.850	0,11%

Ông Trần Việt Hùng - Tổng Giám đốc

Chức vụ : Tổng Giám đốc
Ngày sinh : 18/12/1970
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 497.737 cổ phiếu, chiếm 0,29% cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Phạm Đăng Long - Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ : Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Ngày sinh : 01/01/1971
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.123.400 cổ phiếu, chiếm 0,66% cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
Ngày sinh : 10/11/1964
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa, Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 750.353 cổ phiếu, 0,44% cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Nguyễn Thảo - Giám đốc Tài Chính/ Kế toán trưởng

Chức vụ : Giám đốc tài chính/Kế toán trưởng
Ngày sinh : 24/08/1973
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 191.850 cổ phiếu, 0,11% cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	11/05/2022	-
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	11/05/2022	-

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**1.160**	**100%**
1	Trình độ đại học, cao đẳng	689	59,40%
2	Trình độ trung cấp	98	8,45%
3	Trình độ lao động phổ thông	373	32,16%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**1.160**	**100%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	522	45,00%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	632	54,48%
3	Hợp đồng theo thời vụ	6	0,52%
C	**Theo giới tính**	**1.160**	**100%**
1	Nam	747	64,40%
2	Nữ	413	35,60%

CHI PHÍ LAO ĐỘNG DỰA TRÊN CHI PHÍ THEO YẾU TỐ TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	957	990	1.053	1.160
Chi phí lao động theo BCTC	300.049.899.362	312.827.484.597	456.670.889.665	436.892.754.044
Chi phí lao động (đồng/người/tháng)	26.127.647	26.332.280	36.140.463	31.385.974

Theo trình độ lao động

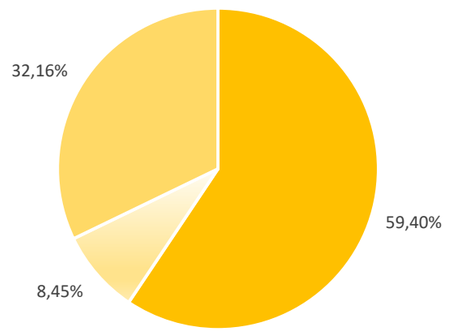

Theo tính chất HĐLĐ

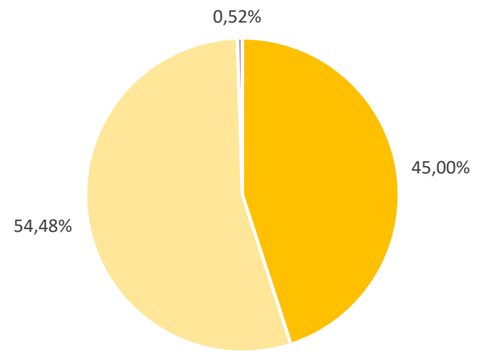

Theo giới tính

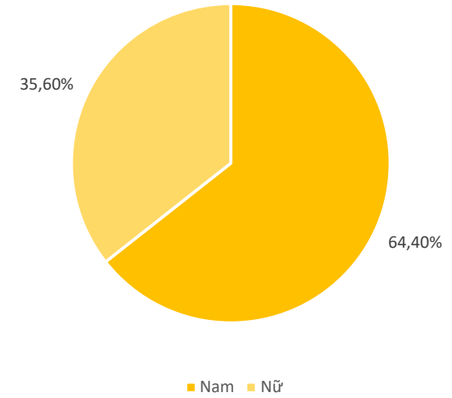

Chi phí lao động (đồng/người/tháng)

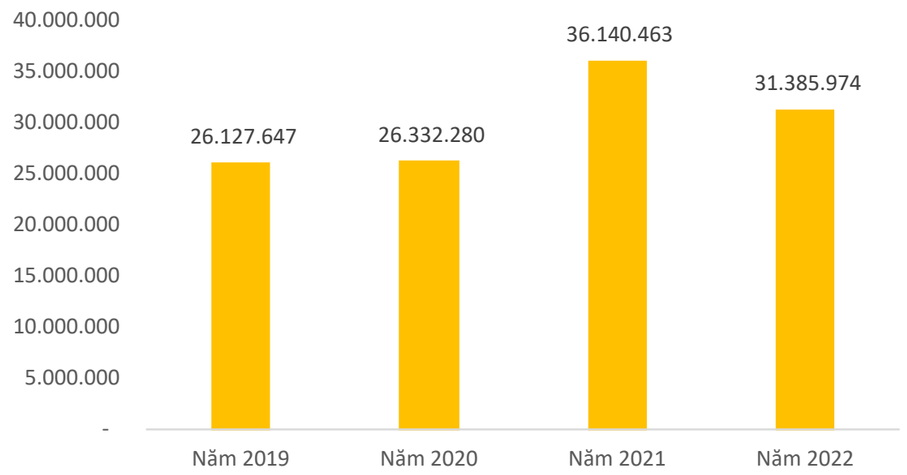

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo:

Chú trọng đầu tư nhằm không ngừng nâng cao năng lực và tinh thần làm việc của đội ngũ, tạo sự gắn kết của người lao động đối với tập đoàn cũng như đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của tập đoàn.

Tập đoàn luôn tạo điều kiện cho nhân viên gặp gỡ, giao lưu và học hỏi kinh nghiệm làm việc với nhau và mở rộng mối quan hệ, nâng cao tinh thần làm việc qua các hoạt động như Team Building, Ngày Hội kết nối (Family Day),…

Tập đoàn luôn chú trọng công tác thu hút và giữ chân nhân tài bằng các chế độ chăm sóc sức khỏe và các chính sách đãi ngộ như: cho vay mua nhà, các hoạt động giúp cân bằng công việc và cuộc sống.

Về tuyển dụng

Tập đoàn chủ trương tuyển dụng nhân tài, người có tài, có đức, có trách nhiệm với công việc là một điểm cộng đối với Tập đoàn nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Chú trọng tuyển dụng nhân sự phù hợp với từng vị trí, không những có tài năng mà còn phải thực sự phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn.

Tập đoàn cũng sẽ có những yêu cầu khá khắt khe đối với các vị trí quan trọng, đảm bảo tất cả cán bộ quản lý điều hành - đầu tàu của lực lượng lao động, có đủ phẩm chất lãnh đạo, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, dự báo, thuyết trình, trình độ ngoại ngữ, tin học…

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Chính sách lương thưởng

Chính sách lương thưởng tăng theo mức lương tối thiểu vùng và luôn đảm bảo chi trả đúng hạn theo quy định pháp luật hiện hành. Đóng góp của mỗi cá nhân đều được ghi nhận, tưởng thưởng một cách xứng đáng, góp phần giải quyết công ăn việc làm và các vấn đề xã hội.

Ngoài các đầu lương cơ bản, công ty còn có chính sách khen thưởng đối với cá nhân, tập thể xuất sắc, tạo ra hiệu suất công việc cao (KPI) và tổ chức khen thưởng công khai.

Chính sách phúc lợi, đãi ngộ

Tại Asia Group, con người chính là tài sản quý giá nhất. Chính vì vậy, tất cả mọi quyết sách đều nhằm mang đến môi trường làm việc tốt nhất cho nhân viên, tạo lập văn hóa làm việc nhân văn nhưng vẫn đảm bảo tính hiệu quả và chuyên nghiệp.

Hằng năm, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát một lần, về chi phí tùy theo tình hình kinh doanh của Tập đoàn.

Tổ chức khám Sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, đảm bảo đầy đủ cho người lao động mua bảo hiểm sức khoẻ…

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

- Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc góp 40% phần vốn điều lệ trong ACI tương đương 215.704.000.000 VND theo các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 25 tháng 4 năm 2022. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn nắm giữ 40% phần vốn chủ sở hữu trong ACI.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 04/2022/QĐ-HĐQT/AIG ngày 11 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu, với tổng vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND, trong đó Công ty sở hữu 99,5% vốn điều lệ. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc góp số vốn 121.000.000.000 VND trên tổng số vốn góp cam kết là 199.000.000.000 VND.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	Phần lũy kế lãi, lỗ	Giá trị còn lại
TVH	13.839.090.909	(1.224.876.246)	12.614.214.663
Nature ACH	1.800.000.000	1.208.803.109	3.008.803.109
ACI	215.704.000.000	994.165.148	216.698.165.148
Tổng cộng	**231.343.090.909**	**978.092.011**	**232.321.182.920**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản mục	2021	2022
Trái phiếu	**41.565.753.493**	**1.500.000.000**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	40.065.753.493	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
Bảo hiểm nhân thọ	**300.028.000**	**300.028.000**
Bảo hiểm nhân thọ Aviva Việt Nam (**)	300.028.000	300.028.000
Tổng cộng	**41.865.781.493**	**1.800.028.000**

(*) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

- 50 Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2019, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1.2%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu;
- 5.000 Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2020, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 0.9%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu; và Tập đoàn đã sử dụng số trái phiếu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từnngân hàng.
- 5.000 Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2020, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu.

(**) Tập đoàn đã mua bảo hiểm nhân thọ cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty để đáp ứng điều kiện cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ này có kỳ hạn trả gốc năm (5) năm và hưởng lãi suất cố định hàng năm tới năm thứ mười sáu Tập đoàn đã sử dụng số trái phiếu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	7.247.108	7.946.985	9,66%
Vốn chủ sở hữu	4.132.758	4.749.270	14,92%
Doanh thu thuần	9.684.755	12.884.725	33,04%
Lợi nhuận từ HĐKD	810.186	945.892	16,75%
Lợi nhuận/(lỗ) khác	7.483	10.836	44,80%
Lợi nhuận trước thuế	817.669	956.728	17,01%
Lợi nhuận sau thuế	689.360	795.206	15,35%
Thu nhập trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.286	3.735	13,66%

Trong năm vừa qua, Tập đoàn tiếp tục tập trung vào kinh doanh nguyên liệu thực phẩm để cung cấp cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước và xuất khẩu. Tại thị trường nội địa, Tập đoàn đã tìm kiếm những giải pháp kinh doanh và sản xuất hiệu quả, tập trung đầu tư vào công nghệ, tối ưu chi phí và lợi nhuận, và đa dạng hóa phương thức phục vụ khách hàng để đem lại những sản phẩm tốt nhất cho người tiêu dùng.

Năm 2022, Tập đoàn đạt mức tăng trưởng doanh thu thuần hợp nhất là 12.884.725 triệu đồng, tăng 33,04% so với năm trước. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế năm 2022 cũng được cải thiện mạnh mẽ, tăng 15,35% và đạt giá trị 795.206 triệu đồng. Tỷ suất thu nhập trên mỗi cổ phần của Asia Group năm 2022 đạt hơn 3.735 đồng.

Nhìn chung, Tập đoàn đã đạt được những thành tựu đáng kể trong năm vừa qua, nhờ tập trung vào kinh doanh nguyên liệu thực phẩm và các giải pháp kinh doanh hiệu quả. Năm 2022 là một năm đầy triển vọng với tốc độ tăng trưởng cao và các kết quả kinh doanh tích cực của Tập đoàn.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,80	1,81
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,13	0,96
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,97	40,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	75,36	67,33
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,25	4,72
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,51	1,70
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,12	6,17
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	18,13	17,91
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,74	10,47
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8,37	7,34

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2022, hệ số thanh toán ngắn hạn của Tập đoàn ở mức 1,81 lần; trong khi hệ số thanh toán nhanh giảm còn 0,96 lần do sự tăng lên đáng kể của hàng tồn kho trong năm. Năm 2022, Tập đoàn đã gia tăng đáng kể khoản mục các khoản phải thu ngắn hạn trong cơ cấu tài sản, qua đó giúp chỉ số thanh khoản của Tập đoàn đảm bảo ở mức ổn định như các năm trước. Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động của năm 2022, thị trường kinh doanh nguyên liệu có nhiều biến động về giá, Tập đoàn đã chủ động tăng sử dụng nguồn vốn là Nợ ngắn hạn để tài trợ các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm. Qua đó, giúp Tập đoàn thích ứng nhanh chóng với sự thay đổi thị trường và chủ động hơn trong việc nắm bắt các cơ hội kinh doanh và đầu tư trên thị trường.

Tuy nhiên, nhận thấy tình hình tài chính có thể gặp phải rủi ro, Ban lãnh đạo đã lên kế hoạch quản trị tài chính nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn sẽ có đủ nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ trong thời gian ngắn hạn và dài hạn. Các giải pháp bao gồm tăng cường quản lý tài sản ngắn hạn, đặc biệt là nợ ngắn hạn, và huy động các nguồn tài chính khác nhau như tăng vốn, tăng doanh thu hoặc giảm chi phí để đảm bảo rằng Tập đoàn sẽ có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ mà không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

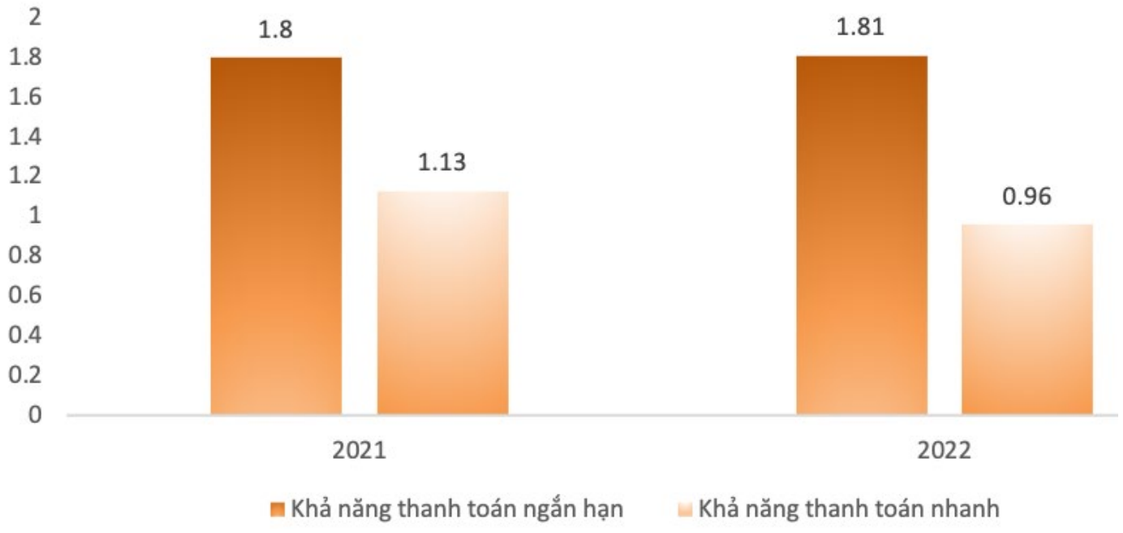

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2022, Tỷ lệ Nợ/ Tổng tài sản và Nợ/ Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2021, Nợ/Tổng tài sản giảm 2,73% và Nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm 8,03%. Trong năm qua, Tập đoàn ghi nhận tăng chỉ tiêu về Nợ, đặc biệt là nợ ngắn hạn với số tiền 3.197.741 triệu đồng. Tuy nhiên, chỉ tiêu này vẫn duy trì ở mức ổn định so với năm ngoái nên không ảnh hưởng nhiều đến cơ cấu vốn của Tập đoàn. Qua đó, Tập đoàn có xu hướng sử dụng đòn bẩy tài chính trong cơ cấu vốn của mình nhiều hơn. Tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững của hoạt động kinh doanh, Tập đoàn cũng đã đề ra một số kế hoạch và chiến lược để tăng lợi nhuận và tăng giá trị cho cổ đông. Điều này bao gồm tập trung vào các hoạt động kinh doanh chính để tăng doanh thu và lợi nhuận, tăng tính hiệu quả trong quản lý tài chính, tìm kiếm các nguồn vốn mới và tăng cường quản lý rủi ro tài chính.

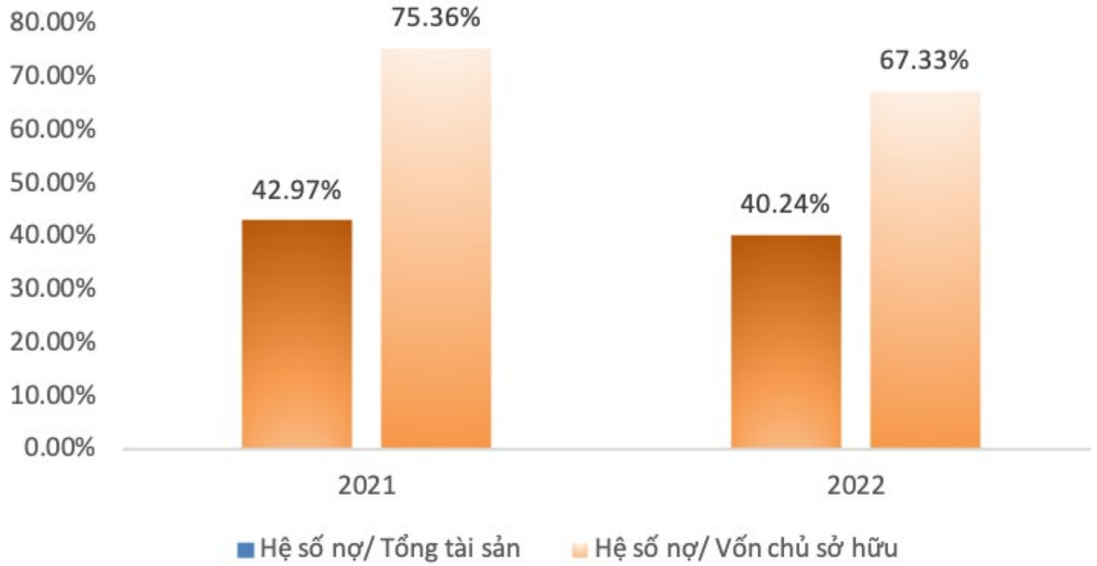

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2022, vòng quay hàng tồn kho của Asia Group là 4,72 lần, thấp hơn So với mức 5,25 lần năm 2021. Sự giảm sụt giảm này chủ yếu do giá trị hàng tồn kho bình quân năm 2022 tăng lên đáng kể so với năm 2021.

Chỉ số vòng quay tổng tài sản của Asia Group năm 2022 ở mức 1,70 vòng, tăng nhẹ so với mức 1,51 vòng năm 2021. Doanh thu thuần của Asia Group năm 2022 tăng trưởng với con số rất ấn tượng 33,04% so với năm trước. Điều này đã cải thiện vòng quay tổng tài sản của Tập đoàn trong năm 2022.

Bên cạnh đó, nhằm cải thiện chỉ tiêu về năng lực hoạt động, Tập đoàn đã đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho và tăng tốc độ vòng quay của sản phẩm. Các giải pháp bao gồm tối ưu hóa quy trình sản xuất và quản lý kho, đầu tư vào các công nghệ tiên tiến hơn để quản lý hàng tồn kho, cải thiện quá trình giao nhận hàng hóa để đảm bảo tính sẵn có của sản phẩm. Tập đoàn đang nỗ lực để tăng cường khả năng quản lý hàng tồn kho và đáp ứng tốt hơn với nhu cầu của thị trường.

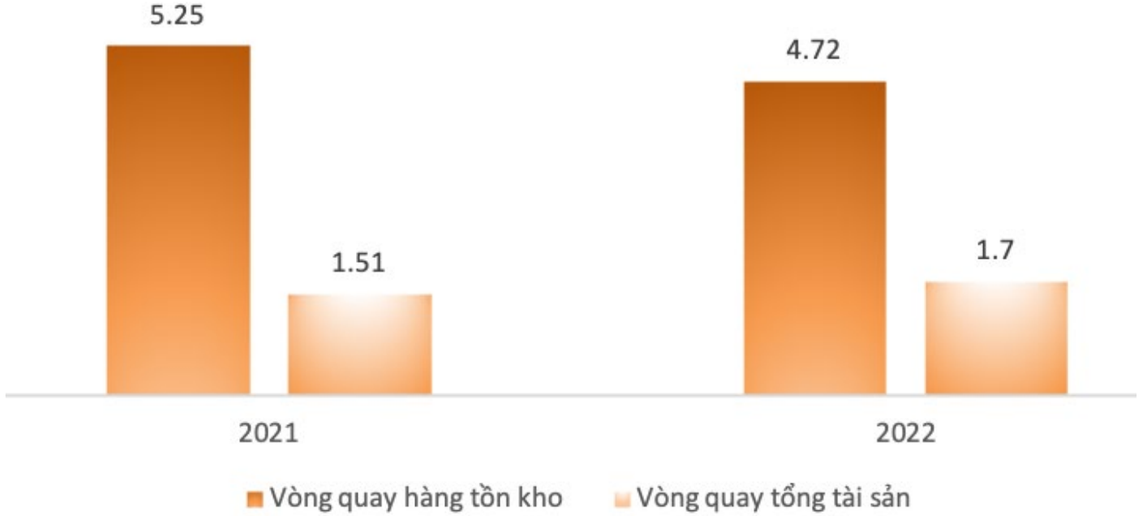

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2022, Asia Group đã ghi nhận một số chỉ tiêu kinh doanh sụt giảm, đặc biệt là trong khả năng sinh lời. Tỷ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần giảm 0,95% so với cùng kỳ năm trước vì mức độ doanh thu thuần cao hơn mức độ tăng của lợi nhuận sau thuế. Các chi phí như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao đã làm giảm tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế và ảnh hưởng đến chỉ số này của doanh nghiệp. Hệ số ROE và ROA giảm từ 18,13% xuống còn 17,98% và 10,74% xuống còn 10,47%.

Để khắc phục tình trạng này, Ban lãnh đạo của Asian Group đã đưa ra kế hoạch quản lý chuỗi cung ứng một cách tốt nhất và tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, giúp đẩy nhanh quá trình đưa sản phẩm ra thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Những biện pháp này sẽ giúp Tập đoàn thích ứng với tình hình thị trường đang thay đổi liên tục, cải thiện khả năng sinh lời của mình và tiếp tục duy trì vị thế trong lĩnh vực kinh doanh của mình.

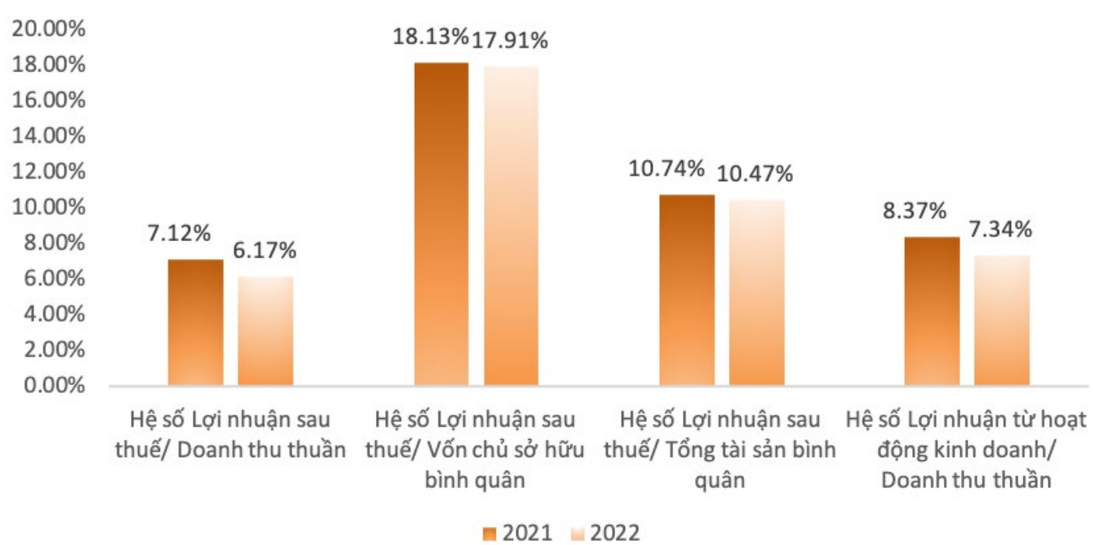

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

TỔNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

170.601.298

Cổ phiếu

Loại cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	10.000 VNĐ/cổ phần
Cổ phiếu quỹ	Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**123.588.637**	**1.235.886.370.000**	**72,44%**
1	Cá nhân	120.850.637	1.208.506.370.000	70,84%
2	Tổ chức	2.738.000	27.380.000.000	1,60%
B	**Cổ đông nước ngoài**	**47.012.661**	**470.126.610.000**	**27,56%**
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	47.012.661	470.126.610.000	27,56%
	Tổng cộng	**170.601.298**	**1.706.012.980.000**	**100,00%**

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2022, Công ty cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG không thực hiện tăng/giảm vốn điều lệ.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tổng phát thải nhà kính

Tổng phát thải nhà kính (GHG): Biến đổi khí hậu đang trở thành một thách thức toàn cầu cấp bách và là ưu tiên hàng đầu của các quốc gia và cộng đồng quốc tế, trong đó Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ bầu khí quyển, Việt Nam đã cam kết giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 trong Hội nghị Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26), đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp trong nước thực hiện cam kết này. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Tập đoàn Asia Group luôn nỗ lực trong việc cải tiến máy móc thiết bị và lựa chọn nguồn nhiên liệu thân thiện với môi trường, nhằm giảm thiểu lượng phát thải nhà kính ở mức tối thiểu.

Đối với các ngành nghề kinh doanh thường sử dụng các nguyên liệu như điện, xăng và dầu, Tập đoàn đang nghiên cứu và áp dụng các quy trình vận hành linh hoạt để giảm thiểu lượng nhiên liệu tiêu thụ và lượng khí thải từ việc di chuyển.

Tác động lên môi trường

Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, Asia Group nhận thức được bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi doanh nghiệp mà còn là nền tảng phát triển bền vững trong tương lai. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường luôn là điều kiện tiên quyết trong mỗi chiến lược, kế hoạch phát triển của Asia Group. Bên cạnh chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Asia Group tiếp tục tiến trình đổi mới công nghệ phù hợp với thực tế, sử dụng phương tiện vận chuyển thân thiện với môi trường, sử dụng nhiên liệu sinh học. Trong hoạt động kinh doanh lẫn các quá trình sinh hoạt tại văn phòng và các nhà máy, Asia Group luôn ưu tiên trong việc sử dụng năng lượng sạch một cách tiết kiệm và hiệu quả.

Với tầm nhìn dài hạn, Asia Group cũng thường xuyên nghiên cứu và đầu tư vào các giải pháp tiên tiến và thân thiện với môi trường, như sử dụng các loại nhiên liệu sạch, tìm kiếm các loại năng lượng tái tạo để sử dụng, hạn chế sử dụng các loại vật liệu độc hại và thải độc hại một cách nghiêm ngặt. Ngoài ra, Asia Group cũng đề cao vai trò của việc giáo dục nhân viên về tác động của công việc của họ đến môi trường và khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

Tập đoàn cũng luôn theo dõi và cập nhật nhanh chóng các quy định mới nhất về môi trường, từ đó đưa ra biện pháp tuân thủ theo quy định để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Với những nỗ lực này, Tập đoàn Asia Group đang tích cực đóng góp vào việc giảm thiểu phát thải nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến cộng đồng và xã hội.

Quản lý nguồn nguyên liệu

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Asia Group là sản xuất và phân phối nguyên liệu, Asia Group nhận thấy được sự cấp thiết trong việc sử dụng và quản lý nguyên liệu một cách hợp lý. Để thực hiện hiệu quả việc này, ban lãnh đạo tập đoàn đã thường xuyên kiểm tra, theo dõi biến động của nguyên liệu để bổ sung và dự trữ nguyên liệu hợp lý phù hợp với quá trình kinh doanh của Asia Group.

Asia Group đã triển khai các chiến lược nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu sạch và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người tiêu dùng, đảm bảo nguyên liệu phải có giấy kiểm định vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục áp dụng dây chuyền sản xuất tinh gọn cho các nhà máy, kho hàng, giữ gìn vệ sinh chung. Sản phẩm phải được bảo quản nơi khô ráo, được lưu trữ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và tối ưu nhất.

ASIA INGREDIENTS GROUP
Your True Partner

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2022, Asia Group chưa ghi nhận ca xử phạt nào về vấn đề không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Tuy nhiên, ban lãnh đạo Asia Group cũng hiểu rõ được vấn đề ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là vấn đề chung mà nhiều doanh nghiệp mắc phải và sẽ phải đối mặt trong đó có Asia Group. Bằng cách thực hiện những biện pháp tuyên truyền , nhắc nhở xử phạt nghiêm khắc các trường hợp vi phạm đến các vấn đề về môi trường, Asia Group đã kịp thời ngăn chặn những hành vi gây ảnh hưởng đến môi trường. Asia Group còn tích cực triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường, phát huy tinh thần sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá sản xuất.

Tiêu thụ nước

Trong hoạt động kinh doanh, việc quản lý tài nguyên là rất quan trọng, đặc biệt là tài nguyên nước. Asia Group nhận thức rõ ràng về giá trị vô giá của tài nguyên nước, nhưng cũng nhận thức rằng nó không phải là không giới hạn và đó là một yếu tố cần thiết trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty. Ban lãnh đạo và toàn bộ nhân viên của Asia Group đều hiểu rõ rằng nguồn nước ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và sức khỏe của con người. Mỗi năm, Asia Group tổ chức các buổi tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước và tránh lãng phí nước cho mục đích không đáng. Đồng thời, Asia Group cũng thực hiện kiểm tra nghiêm ngặt các quy trình xử lý nước. Hiện tại, Asia Group chưa phải chịu bất kỳ hình thức xử phạt nào liên quan đến vấn đề này.

Trong tương lai, Asia Group cũng sẽ đặt mục tiêu sử dụng các công nghệ tiết kiệm nước và thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu tác động của hoạt động kinh doanh đến tài nguyên nước và môi trường. Việc thực hiện chính sách này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn góp phần bảo vệ tài nguyên và môi trường cho thế hệ tương lai.

Tiêu thụ năng lượng

Asia Group là một đơn vị tiên phong trong lĩnh vực cung cấp và phân phối nguyên liệu thực phẩm, đã hiểu rõ tầm quan trọng của việc tiết kiệm năng lượng điện năng và tác động của nó đến cộng đồng. Chính vì vậy, Asia Group đã đưa ra những biện pháp cụ thể để giảm thiểu điện năng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm việc thường xuyên kiểm tra, bảo trì và thay thế các thiết bị dây tóc bóng đèn cũ, sử dụng các thiết bị tự động ngắt, và nhiều biện pháp khác.

Các biện pháp này đã giúp Asia Group tiết kiệm được rất nhiều chi phí và đồng thời bảo vệ môi trường. Việc tuyên truyền và nhắc nhở nội bộ về việc sử dụng điện sao cho tối đa hóa năng lượng cũng là một thói quen và văn hóa của rất nhiều nhân viên trong Tập đoàn. Nhân viên được khuyến khích thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện năng, giúp giảm thiểu sự lãng phí và cùng nhau bảo vệ môi trường.

Với những nỗ lực không ngừng của toàn thể Ban lãnh đạo và nhân viên Asia Group đã chứng minh được cam kết của mình trong việc bảo vệ môi trường và cộng đồng, đồng thời góp phần tích cực vào việc giảm thiểu khí thải và tác động tiêu cực đến biến đổi khí hậu.

Chính sách liên quan đến người lao động

Có thể nói năm 2022 là năm vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội đối với các doanh nghiệp trong đó có Asia Group khi nền kinh tế Việt Nam bắt đầu phục hồi sau đại dịch Covid - 19 vừa qua. Ngoài việc đảm bảo mức thu nhập trung bình là 31.385.974 đồng người lao động của Asia Group sẽ được hưởng những chính sách đã ngộ, lương thưởng trợ cấp theo quy định của Pháp luật. Đối với từng trường hợp người lao động khó khăn, Asia Group luôn có chính sách hỗ trợ cụ thể. Không chỉ thu nhập được đảm bảo, các chính sách lao động khác cũng được duy trì để người lao động yên tâm làm việc.

Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trong Tập đoàn vào mỗi năm để nhân viên có thể đảm bảo thật tốt công việc cũng như an tâm làm việc. Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Mục tiêu sắp tới của Asia Group là nâng cao hơn nữa mức thu nhập của người lao động thông qua các chính sách, phúc lợi gắn liền với sự tăng trưởng của Tập đoàn, nhằm tăng thêm động lực làm việc cho người lao động.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong suốt năm vừa qua, Asia Group đã có những nỗ lực đáng kể trong việc thực hiện các hoạt động xã hội, nhằm hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Một trong những hoạt động đáng chú ý của Asia Group là việc liên kết với chính quyền địa phương để thăm hỏi và giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là những trường hợp mất khả năng lao động và những người chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của các thiên tai như bão lũ. Asia Group đã dành một phần lợi nhuận để hỗ trợ và cứu trợ cho những người bị thiệt hại. Nhờ vào sự quan tâm và hỗ trợ của Tập đoàn, nhiều gia đình và cá nhân đã được hỗ trợ và giúp đỡ để có thể đứng lên và tiếp tục cuộc sống.

Ngoài ra, Asia Group cũng đã tạo ra nhiều việc làm cho người lao động tại địa phương, góp phần giảm bớt tình trạng thất nghiệp và cải thiện tình hình kinh tế tại địa phương. Bằng việc đào tạo và hỗ trợ người lao động, Asia Group đã giúp người lao động nâng cao trình độ kỹ năng và thu nhập, đáp ứng được nhu cầu cuộc sống và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

Trong năm qua, ngành thực phẩm đã trải qua một cuộc khôi phục mạnh mẽ sau những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19. Đây là kết quả của những biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả và các chính sách hỗ trợ của chính phủ, giúp ngành công nghiệp này đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Một trong những yếu tố quan trọng giúp ngành thực phẩm khôi phục là sự chú trọng đến việc cải thiện vệ sinh và an toàn thực phẩm. Tập đoàn đã tăng cường các biện pháp vệ sinh và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm để đảm bảo sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe của người tiêu dùng. Việc này không chỉ giúp giữ cho ngành thực phẩm đồ uống an toàn và đáng tin cậy, mà còn làm tăng niềm tin của khách hàng đối với sản phẩm Tập đoàn.

Khó khăn

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều hành nhái, hàng kém chất lượng gây ra nhiều ảnh hưởng đến ngành nguyên liệu thực phẩm và tác động trực tiếp đến con người. Đầu tiên, vấn đề của ngành nguyên liệu thực phẩm là đảm bảo chất lượng sản phẩm. Trong khi người tiêu dùng ngày càng đòi hỏi sản phẩm có chất lượng cao và an toàn, thì Asia Group nói riêng và ngành nguyên liệu thực phẩm nói chung lại đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt và áp lực giá cả.

Ngoài ra, vấn đề của ngành nguyên liệu thực phẩm là quản lý rủi ro an toàn thực phẩm. Hiện nay, việc ngành nguyên liệu thực phẩm phải đối mặt với các rủi ro an toàn thực phẩm như vi khuẩn, nấm mốc, hóa chất và kim loại nặng trong các sản phẩm. Asia Group bắt buộc phải đảm bảo sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, nhưng điều này đòi hỏi chi phí cao và sự quản lý chặt chẽ.

Bên cạnh đó, vấn đề của ngành nguyên liệu thực phẩm là sự bất ổn về nguồn cung cấp. Asia Group cũng phải đối mặt với tình trạng không đảm bảo nguồn cung cấp ổn định về các nguyên liệu thô. Ngoài ra, thay đổi về khí hậu và các yếu tố tự nhiên khác có thể ảnh hưởng đến sản lượng và chất lượng của nguyên liệu thực phẩm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Tài sản ngắn hạn	5.429.368	5.690.498	104,81%	74,92%	71,61%
Tài sản dài hạn	1.817.740	2.256.487	124,14%	25,08%	28,39%
Tổng tài sản	7.247.108	7.946.985	109,66%	100%	100%

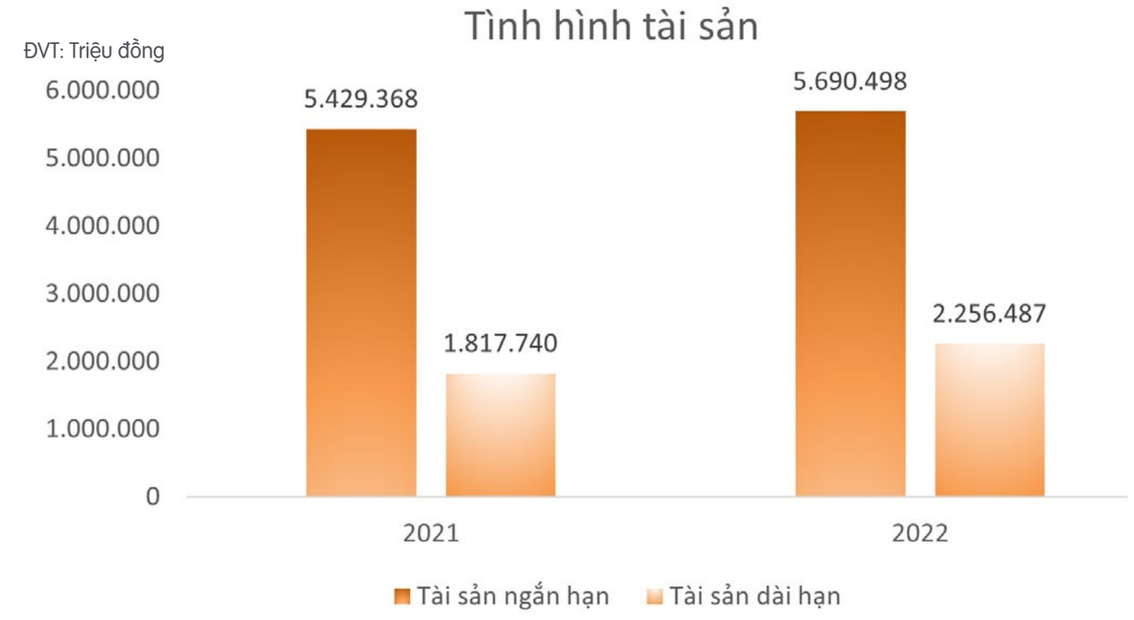

Cơ cấu tài sản ngắn hạn/dài hạn của Tập đoàn có sự biến động nhẹ tăng 3,3% và có sự tăng trưởng về lượng so với năm 2021, cụ thể:

Trong năm 2022, tài sản ngắn hạn tăng từ 5.429.368 triệu đồng năm 2021 lên 5.690.498 triệu đồng năm 2022. Tài sản dài hạn tăng từ 1.817.740 triệu đồng lên 2.256.487 triệu đồng. Tỷ trọng tài sản dài hạn /tổng tài sản tăng 3,3% so với năm 2021 do mức độ tăng của tài sản dài hạn (24,14%) lớn hơn mức độ tăng của tài sản ngắn hạn (4,81%). Mức tăng mạnh của tài sản dài hạn chủ yếu đến từ việc Tập đoàn tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, nhà xưởng nhằm đáp ứng cho nhu cầu lưu trữ hàng hóa ngày càng tăng trong những năm sắp tới, phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng dài hạn của Tập đoàn.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/TH 2021	Tỷ trọng năm 2021	Tỷ trọng năm 2022
Nợ ngắn hạn	3.019.350	3.137.336	103,91%	96,95%	98,11%
Nợ dài hạn	94.999	60.379	63,56%	3,05%	1,89%
Tổng nợ phải trả	3.114.350	3.197.715	102,68%	100%	100%

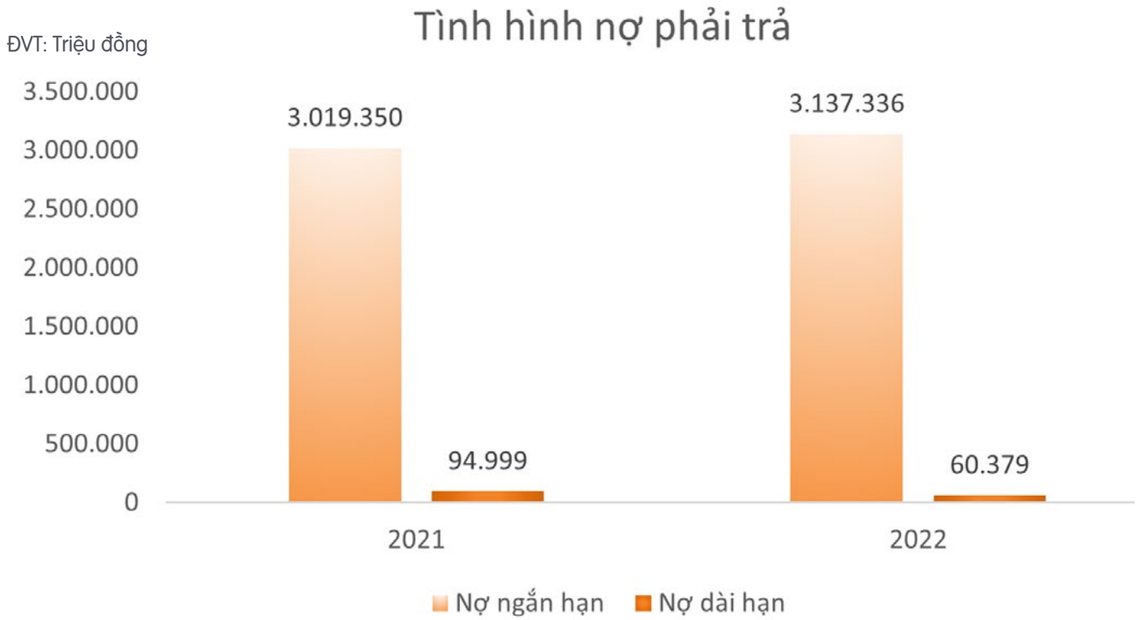

Tính đến ngày 31/12/2022, tổng nợ phải trả của Tập đoàn là 3.198.379 triệu đồng, tăng 2,68% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm 98,11% tương đương với mức 3.137.466 triệu đồng, tăng 3,91% so với cùng kỳ năm trước. Nợ ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ khoản mục vay ngắn hạn tại các ngân hàng và thế chấp bằng các tài sản cố định của Tập đoàn nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động để thúc đẩy tăng trưởng doanh số.

Việc Tập đoàn tăng chỉ tiêu nợ ngắn hạn nhằm đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực sự thu được kết quả tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận ấn tượng trong năm 2022. Tuy nhiên, trước những diễn biến khó lường của các yếu tố vĩ mô (biến động tỷ giá, chiến tranh Nga-Ukraine làm ảnh hưởng nguồn cung, lãi suất điều hành của Feb…) Ban lãnh đạo Tập đoàn trong năm 2023 sẽ lên kế hoạch và thực hiện các biện pháp quản trị kịp thời nhằm đảm bảo thực hiện thanh khoản một cách hiệu quả nhất, tránh rủi ro và đảm bảo sự ổn định của tài chính Tập đoàn trong tương lai.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU SẢN XUẤT, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

01 Tối đa hóa công suất của dây chuyền máy móc và thiết bị hiện có để tăng sản lượng sản phẩm và giảm giá thành, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Asia Group trên thị trường.

02 Bám sát và kiểm soát tiến độ xây dựng các dự án mới để đảm bảo phát triển sản xuất kinh doanh liên tục và bền vững. Công tác quản trị rủi ro kinh doanh cũng được kiểm soát thường xuyên, tăng cường quản lý vốn lưu động để đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và hiệu quả.

03 Kiểm soát tốt nhất chi phí phát sinh trong từng Công ty thành viên nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Đồng thời, tinh gọn bộ máy nhân sự và tập trung vào các vấn đề kinh doanh cốt lõi nhằm tiết kiệm chi phí và gia tăng hiệu quả hoạt động.

04 Asia Group nhận thấy việc nâng cao năng lực sản xuất, tối ưu hóa chi phí và quản lý rủi ro kinh doanh là những yếu tố quan trọng giúp Asia Group tăng trưởng bền vững và phát triển trong thời gian dài. Vì vậy, Asia Group sẽ tiếp tục ứng dụng những biện pháp này để nâng cao năng suất sản xuất, tăng cường cạnh tranh và tạo ra giá trị cho khách hàng và cổ đông.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Tập đoàn cam kết tối đa hóa công suất dây chuyền máy móc thiết bị hiện có nhằm tăng sản lượng sản xuất và giảm giá thành sản phẩm. Điều này đồng nghĩa với việc tăng cường quản trị rủi ro kinh doanh và kiểm soát tốt chi phí phát sinh trong từng Công ty thành viên. Ngoài ra, tập trung vào các vấn đề kinh doanh cốt lõi, tinh gọn bộ máy nhân sự và quản lý vốn lưu động nhằm tiết kiệm chi phí và gia tăng hiệu quả hoạt động.

Để đáp ứng tốt hơn các mục tiêu đề ra, Tập đoàn đã tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý và cơ cấu nhân sự theo cơ cấu tổ chức mới, tăng cường năng lực quản trị điều hành và nâng cao vai trò chiến lược của Hội đồng quản trị. Đồng thời, công tác đào tạo, huấn luyện, giám sát cho đội ngũ quản lý được chú trọng và ban hành chính sách lương và các chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh. Tập đoàn cũng đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua quản trị thành tích và tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ thăng tiến cho các cấp quản lý tiềm năng.

Tổ chức các chương trình đào tạo bài bản và chuyên sâu để xây dựng một đội ngũ quản lý kế thừa, phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn.

Tập đoàn đã nghiên cứu và ứng dụng các cải tiến về công nghệ thông tin và công cụ quản trị mới vào hoạt động sản xuất nhằm cải thiện hiệu suất làm việc của Tập đoàn. Việc này hướng đến hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban đã xây dựng, cải tiến các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian của cả khách hàng lẫn nhân viên Tập đoàn cho công tác xử lý hồ sơ, từ đó cải thiện trải nghiệm khách hàng.

Tập đoàn đã đưa ra thị trường nhiều sản phẩm và đa dạng các dịch vụ với mong muốn mang lại cho khách hàng trải nghiệm dịch vụ tốt nhất, mang lại lợi nhuận cho Tập đoàn cũng như nâng cao vị thế của Tập đoàn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sẽ chốt trước kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2023.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Đối với ý kiến kiểm toán trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc không có giải trình gì thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu quan trọng của Asia Group. Để đảm bảo mục tiêu này, Asia Group luôn tuân thủ và thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Asia Group xem việc bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của cá nhân mà còn là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và tương lai của thế giới.

Để bảo vệ môi trường, Asia Group đã áp dụng nhiều biện pháp như sử dụng tiết kiệm năng lượng, nguồn nước, xử lý nước thải, quản lý chất thải một cách khoa học nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh. Đặc biệt, Asia Group đã tập trung vào việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ công nghệ tiên tiến để giảm thiểu lượng chất thải sinh ra và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên.

Để sử dụng tiết kiệm năng lượng, Asia Group đã triển khai nhiều giải pháp như tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị và các thiết bị tiết kiệm điện năng. Asia Group cũng thường xuyên tuyên truyền và giáo dục nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng để hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối với việc quản lý chất thải, Asia Group đã xây dựng các quy trình xử lý chất thải một cách khoa học và đảm bảo việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng cách. Asia Group cũng đã đầu tư vào các công nghệ tiên tiến để xử lý chất thải một cách an toàn và hiệu quả.

Ngoài ra, Asia Group cũng chú trọng đến việc sử dụng nguồn nước và xử lý nước thải một cách hiệu quả. Asia Group đã xây dựng các hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo chất lượng nước thải được xả ra đạt tiêu chuẩn và không gây ô nhiễm môi trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Đối với Asia Group, việc quan tâm đến đời sống và phát triển năng lực người lao động là rất quan trọng. Để đảm bảo điều này, Asia Group nỗ lực trong việc xây dựng chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh để thu hút và giữ chân nhân viên tài năng, đồng thời cung cấp cho họ các cơ hội phát triển và nâng cao năng lực.

Asia Group cam kết thực hiện đầy đủ các lợi ích và quyền lợi chính đáng cho nhân viên theo đúng quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước. Chính sách lương thưởng được thiết kế sao cho công bằng và cân đối, đảm bảo mức lương thích hợp và phù hợp với trình độ và năng lực của từng nhân viên. Ngoài ra, Asia Group cũng đảm bảo cung cấp các khoản phúc lợi như bảo hiểm, chế độ nghỉ phép và các chương trình giảm giá sản phẩm và dịch vụ của công ty cho nhân viên.

Asia Group cũng tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các chương trình đào tạo và phát triển năng lực để giúp cải thiện kỹ năng và năng lực cá nhân. Các chương trình này bao gồm các khóa đào tạo nội bộ, chương trình học bổng và các khóa đào tạo bên ngoài. Asia Group đảm bảo rằng nhân viên được đánh giá công bằng và thường xuyên nhận được sự đánh giá và phản hồi để cải thiện năng lực và đóng góp của mình cho Asia Group.

Ngoài ra, Asia Group còn đặc biệt quan tâm đến đời sống của nhân viên bằng cách xây dựng môi trường làm việc thuận tiện và thân thiện. Asia Group sử dụng các công nghệ tiên tiến để cải thiện môi trường làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên trong việc làm việc và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Asia Group luôn đặt mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội không chỉ là để đem lại lợi nhuận cho chính mình mà còn là để góp phần vào sự phát triển chung của địa phương và cộng đồng dân cư. Với tinh thần trách nhiệm và tình cảm với địa phương, Asia Group luôn tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện và các chương trình từ thiện được tổ chức trong địa bàn.

Đặc biệt, Asia Group luôn phối hợp tốt với chính quyền địa phương để thực hiện các chương trình từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương và một số hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Chẳng hạn như việc vận động CBCNV và người lao động đóng góp vào quỹ xã hội nội bộ để giúp đỡ công nhân có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo, tham gia các đợt công tác xã hội.

Việc tham gia các hoạt động từ thiện này không chỉ là nghĩa vụ của một doanh nghiệp đối với cộng đồng, mà còn là trách nhiệm đạo đức, tình cảm của mỗi nhân viên Asia Group đối với xã hội và đối với chính bản thân mình. Asia Group cam kết tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của địa phương và cộng đồng, đồng thời làm tốt vai trò của một doanh nghiệp trách nhiệm xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tập đoàn
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Năm 2022, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh khi tình hình kinh tế nhiều biến động, lạm phát tăng và kéo theo giá thành sản phẩm tăng cao nhưng Ban điều hành cùng toàn thể nhân viên Asia Group đã linh hoạt với nhiều phương án kinh doanh để tiếp tục mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm tận dụng triệt để mọi cơ hội của thị trường để mang lại hiệu quả cao nhất cho Tập đoàn thông qua chỉ tiêu lợi nhuận. Thực hiện kinh doanh hàng hóa, sản phẩm của Tập đoàn năm 2022 cụ thể như sau:

- Doanh thu: 12.884.725 triệu đồng, đạt 112,33% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 795.206 triệu đồng, đạt 104,12% so với kế hoạch.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đã tiến hành đầu tư, mở rộng thêm mạng lưới nhà máy, tìm kiếm thêm khách hàng tiêu thụ, đa dạng Sản phẩm kinh doanh thông qua công tác R&D đồng thời nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng để đảm bảo mang lại cho khách hàng của Tập đoàn những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã xây dựng được thương hiệu của mình vững chắc và ngày một thân thuộc hơn với khách hàng, tạo niềm tin vững chắc với khách hàng khi sử dụng sản phẩm của Tập đoàn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị giám sát điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở Điều lệ Tập đoàn, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Quy chế về nguyên tắc làm việc và mối quan hệ công tác của HĐQT và với Ban điều hành và các cơ quan, tổ chức trong Tập đoàn và các quy chế nội bộ khác. Nhờ vào nỗ lực nắm bắt thông tin, năng lực chuyên môn, thực hiện tốt kế hoạch ứng phó kịp thời theo chiến lược của HĐQT và sự cống hiến của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn. HĐQT càng đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tập đoàn năm 2022.Cụ thể:

- Thường xuyên kiểm tra và giám sát các cơ sở chế biến nguyên liệu thực phẩm, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh.
- Các cuộc họp định kỳ và đột xuất được tổ chức giữa Hội đồng quản trị để nghe báo cáo và giải quyết kịp thời mọi tình huống.
- Kế hoạch đầu tư và nghị quyết dự án, cung cấp vốn và nhân sự để quản lý dự án.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về định hướng phát triển sản xuất kinh doanh:

- Tối đa hóa công suất dây chuyền máy móc thiết bị hiện hữu nhằm tăng sản lượng sản xuất, góp phần giảm giá thành sản phẩm.
- Bám sát và kiểm soát và đẩy mạnh tiến độ xây dựng các dự án mới.
- Cùng với việc tăng cường phát triển sản xuất kinh doanh, công tác quản trị rủi ro kinh doanh cũng được kiểm soát thường xuyên, tăng cường quản lý vốn lưu động.
- Tiếp tục kiểm soát tốt nhất chi phí phát sinh trong từng công ty thành viên nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.
- Tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, tập trung vào các vấn đề kinh doanh cốt lõi nhằm tiết kiệm chi phí và gia tăng hiệu quả hoạt động.

Về công tác quản trị:

Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý và cơ cấu nhân sự theo cơ cấu tổ chức mới, tăng cường năng lực quản trị điều hành, nâng cao hơn nữa vai trò chiến lược và kiểm tra giám sát của Hội đồng quản trị, chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, giám sát cho đội ngũ quản lý.

Ban hành chính sách lương và các chính sách đãi ngộ mang tính cạnh tranh. Đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua quản trị thành tích, tạo điều kiện về cơ hội, môi trường và chế độ thăng tiến cho các cấp quản lý tiềm năng, tổ chức các chương trình đào tạo bài bản và chuyên sâu để xây dựng một đội ngũ quản lý kế thừa, phục vụ nhu cầu phát triển dài hạn.

Xây dựng chính sách lương, hệ thống khung lương cũng như ngạch bậc lương theo hướng đảm bảo một cơ chế linh hoạt và minh bạch hơn, từ đó tạo động lực làm việc cũng như giữ chân được những nhân sự có trình độ, kinh nghiệm bám trụ cùng Tập đoàn. Ngoài ra, việc thay đổi này còn nhằm hoàn thiện hơn mô hình quản lý tiền lương một cách khoa học và hiệu quả;

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	63.720.344	37,35%
2	Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên HĐQT	-	-
3	Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT - Phó TGĐ	1.123.400	0,66%
4	Phan Duy Hiếu	Thành viên HĐQT	3.555.107	2,08%
5	Nguyễn Bá Lương	Thành viên HĐQT	2.325.663	1,36%
6	Lars Kjaer	Thành viên HĐQT	-	-
7	Ông Bùi Quang Nam	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
8	Ông Mai Xuân Trầm	Thành viên HĐQT độc lập	-	-

Ông Nguyễn Thiên Trúc – Chủ tịch HĐQT

Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
Ngày sinh : 20/03/1971
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 63.720.344 cổ phiếu, 37,35% cổ phần

Ông Huỳnh Thanh Lâm – Thành viên HĐQT

Chức vụ : Thành viên HĐQT
Ngày sinh : 13/08/1974
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không sở hữu cổ phần

Ông Phan Duy Hiếu – Thành viên HĐQT

Chức vụ : Thành viên HĐQT
Ngày sinh : 13/07/1969
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.555.107 cổ phiếu, 2,08% cổ phần

Ông Lars Kjaer – Thành viên HĐQT

Chức vụ : Thành viên HĐQT
Ngày sinh : 28/04/1958
Quốc tịch : Đan Mạch
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế - QTKD
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không sở hữu cổ phần

Ông Bùi Quang Nam – Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ : Thành viên HĐQT độc lập
Ngày sinh : 07/12/1977
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không sở hữu cổ phần

Ông Mai Xuân Trầm – Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ : Thành viên HĐQT độc lập
Ngày sinh : 10/06/1974
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không sở hữu cổ phần

Ông Phạm Đăng Long – Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc

Xem phần lý lịch Ban điều hành

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM 2022

STT	Tên thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lee Ying Leong	Thành viên không điều hành	-	04/06/2022
2	Ông Bùi Quang Nam	Thành viên HĐQT độc lập	04/06/2022	-
3	Ông Mai Xuân Trầm	Thành viên HĐQT độc lập	04/06/2022	-

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng theo quy định của pháp luật. Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết đã thể hiện tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ.

Trong năm 2022, HĐQT công ty đã thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm chỉ đạo, định hướng phát triểnTập đoàn, các cuộc họp này đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những phát sinh.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo quy định tại Điều lệ.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%
2	Ông Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT	9/9	100%
3	Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên HĐQT	9/9	100%
4	Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên HĐQT	9/9	100%
5	Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên HĐQT	9/9	100%
6	Ông Lars Kjaer	Thành viên HĐQT	9/9	100%
7	Ông Bùi Quang Nam	Thành viên HĐQT độc lập	5/5	100%
8	Ông Mai Xuân Trầm	Thành viên HĐQT độc lập	5/5	100%
9	Lee Ying Leong	Thành viên HĐQT	4/4	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2022/QĐ-HĐQT/AIG	26/1/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông Công Ty để chi trả cổ tức
2	02/2022/QĐ-HĐQT/AIG	14/4/2022	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đến ngày trễ nhất là 30/06/2022
3	03/2022/QĐ-HĐQT/AIG	18/4/2022	1. Quyết định ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 2. Ủy quyền cho ông Nguyễn Thiên Trúc, Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt thời gian, chương trình, nội dung, tài liệu họp và các tài liệu khác có liên quan để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
4	04/2022/QĐ-HĐQT/AIG	11/5/2022	1. Thông qua kế hoạch thành lập công ty con. 2. Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách Bộ phận Pháp chế, Hành chính, Quan hệ nhà đầu tư và truyền thông kiêm Người phụ trách quản trị Công ty và Bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Khối Sản xuất Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phân công công việc, nhiệm vụ cho các phòng ban, cá nhân thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT trên cơ sở phù hợp nhu cầu hoạt động của Công Ty.
5	05/2022/QĐ-HĐQT/AIG	25/8/2022	1. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, ESOP và niêm yết 2. Thông qua giao dịch vay tiền với Công ty con 3. Quyết định ngày đăng ký cuối cùng và Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 4. Phê duyệt việc Công Ty thuê lại đất tại KCN Yên Mỹ, Hưng Yên 5. Cập nhật kết quả kinh doanh của Tập đoàn và các công ty con từ tháng 1-7/2022 và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2022 6. Cập nhật các dự án và vốn đầu tư 7. Thảo luận cơ cấu tổ chức Công ty
6	06/2022/QĐ-HĐQT/AIG	5/9/2022	1. Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG 2. Cam kết thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết toàn bộ cổ phiếu Công Ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh 3. Thông qua quy chế phát hành cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn (ESOP) 4. Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài và thông qua hồ sơ phát hành 5. Thông qua danh sách người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu 6. Thông qua cơ cấu tổ chức Công Ty
7	07/2022/QĐ-HĐQT/AIG	24/10/2022	1. Thành lập chi nhánh của công ty 2. Phê chuẩn việc thành lập dự án đầu tư của Công ty
8	08/2022/QĐ-HĐQT/AIG	16/11/2022	Quyết định ngày đăng ký cuối cùng và Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
9	09/2022/QĐ-HĐQT/AIG	20/12/2022	1. Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng 2. Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành 3. Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa chào bán hết 4. Trong trường hợp HĐQT chào bán số cổ phiếu chưa phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT cam kết không phát hành cho các cổ đông/ nhà đầu tư có khả năng dẫn đến cổ đông/ nhà đầu tư đó sở hữu đạt từ 25% trở lên số phiếu có quyền biểu quyết tại Công ty sau đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Chứng khoán. 5. Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt là đơn vị tư vấn để hỗ trợ triển khai phương án chào bán cũng như đầu mối làm việc với UBCKNN. 6. Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc triển khai theo đúng các quy định của Công ty và pháp luật.

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
			7. Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG 8. Cam kết thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết toàn bộ cổ phiếu Công Ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh 9. Thông qua giao dịch giữa Công ty với các Công ty con 10. Phê chuẩn việc thành lập dự án đầu tư TÒA NHÀ AIG - KCX TÂN THUẬN của Công ty 11. Thông qua việc bổ nhiệm Ông Trần Việt Hùng — Tổng Giám Đốc Công ty, là người được ủy quyền, thay mặt và đại diện cho Hội Đồng Quản Trị và Công ty ký kết tất cả tài liệu được yêu cầu trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tất cả các giấy tờ và tài liệu có liên quan khác, và thực hiện tất cả các thủ tục theo quy định của pháp luật Việt Nam để đăng ký thành lập dự án đầu tư nêu trên. 12. HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát	560.448	0,33%
2	Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
3	Ông Đoàn Minh Quân	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-

Bà Lê Ngọc Sang - Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ : Trưởng Ban Kiểm soát
Ngày sinh : 25/04/1976
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 560.448 cổ phiếu, 0,33% cổ phần

Bà Đỗ Thị Kim Chung - Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ : Thành viên Ban Kiểm soát
Ngày sinh : 20/8/1989
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không sở hữu cổ phần

Ông Đoàn Minh Quân - Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ : Thành viên Ban Kiểm soát
Ngày sinh : 07/08/1987
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh doanh quốc tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không sở hữu cổ phần

SỰ THAY ĐỔI CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban Kiểm soát	-	04/06/2022
2	Ông Đoàn Minh Quân	Thành viên Ban Kiểm soát	04/06/2022	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS thường xuyên theo dõi các hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành để giám sát những vấn đề sau:

- Việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Giám sát việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát không phát hiện bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ nào của các thành viên HĐQT/ Ban Tổng Giám đốc, cũng không có nhận được khiếu nại nào từ cổ đông về hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, Ban điều hành.

Ngoài việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát cũng giám sát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty để đảm bảo các thông tin quan trọng luôn được công bố và cập nhật đầy đủ, kịp thời cho cổ đông.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng ban kiểm soát	3/3	100%
2	Bà Đỗ Thị Kim Chung	Kiểm soát viên	3/3	100%
3	Ông Đoàn Minh Quân	Kiểm soát viên	1/1	100%
4	Bà Hà Thị Bích Vân	Kiểm soát viên	2/2	100%

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Phối hợp trong công tác kiểm tra giám sát và kiểm toán nội bộ. Trong các cuộc họp hàng quý của HĐQT, BKS đều cử thành viên đại diện tham dự để nắm bắt kịp thời thông tin thực tế về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn.

Trong năm 2022, sau các cuộc họp của HĐQT, BKS đều được cập nhật thông tin nội dung nghị quyết đầy đủ để nắm bắt kịp thời thông tin thực tế về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các dự án đầu tư của Tập đoàn.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH	2021	2022
Hội Đồng Quản Trị	1.759.068.000	2.438.200.000
Ban Tổng Giám đốc	923.166.667	2.080.911.111
Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
TỔNG CỘNG	**2.814.234.667**	**4.651.111.111**

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Thiên Trúc	Người nội bộ	64.160.344	37,61%	63.720.344	37,35%	Chuyển nhượng cổ phần Nhận chuyển nhượng cổ phần
2	Bà Lê Ngọc Sang	Người nội bộ	810.448	0,48%	560.448	0,33%	Chuyển nhượng cổ phần
3	Ông Huỳnh Thanh Lâm	Người nội bộ	6.384.420	3,74%	0	0%	Chuyển nhượng cổ phần
4	Ông Trần Việt Hùng	Người nội bộ	536.737	0,315%	497.737	0,292%	Chuyển nhượng cổ phần
5	Ông Phan Duy Hiếu	Người nội bộ	3.755.097	2,20%	3.555.107	2,08%	Chuyển nhượng cổ phần
6	Bà Nguyễn Thị Ánh Nhi	Người có liên quan của Người nội bộ	10	0,00001%	200.000	0,117%	Nhận chuyển nhượng cổ phần
7	Ông Phạm Đăng Long	Người nội bộ	1.143.400	0,67%	1.123.400	0,66%	Chuyển nhượng cổ phần

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRÊN CƠ SỞ TẬP ĐOÀN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2022
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Bán hàng hóa	2.233.579.002.265
		Mua hàng hóa	1.868.372.250
		Mua dịch vụ gia công hàng hóa	56.106.713.124
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Cổ đông lớn	Nhận chuyển nhượng cổ phần	215.704.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Bán hàng hóa	20.567.023.000
		Mua hàng hóa	91.953.182.000
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	1.609.950.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Á Châu	Công ty liên kết	Cho vay	90.000.000.000
		Thu hồi khoản cho vay	90.000.000.000
		Lãi vay	477.123.287
		Thu tiền lãy vay	477.123.287
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	1.432.105.000
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông lớn, Thành viên HĐQT và Ban TGĐ của công ty con	Cho vay	63.200.000.000
		Thu hồi khoản cho vay	63.200.000.000
		Lãi vay	445.566.575
		Thu tiền lãy vay	445.566.575

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Bán hàng hóa	347.266.562.842
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Bán hàng hóa	2.981.215.000
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	206.433.057
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Chi hộ	431.701.746
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông lớn, Thành viên HĐQT và Ban TGĐ của công ty con	Tạm ứng	3.071.080.000
Phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Đặt cọc thuê văn phòng	1.938.781.746
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Bán hàng hóa	145.267.500
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Mua hàng	442.484.318
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Mua hàng	3.417.681.500
Doanh thu chưa thực hiện			
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Doanh thu nhận trước	1.260.000.000

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ

Năm 2022, Tập đoàn đã nỗ lực vận hành quản trị công ty theo các nguyên tắc, quy định đối với một công ty cổ phần đại chúng niêm yết; tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHĐCĐ đúng quy trình.

Asia Group thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, đảm bảo lợi ích cổ đông theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra, đồng thời hoàn thiện hoạt động quản trị công ty cho phù hợp với Quy chế quản trị công ty đại chúng ban hành.

Mọi hoạt động của HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cấp quản lý khác đều được báo cáo đầy đủ, tuân thủ Luật Doanh Nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ quy định của Tập đoàn, đảm bảo tính công bằng, minh bạch, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Ngoài ra, vấn đề quản trị Asia Group còn được ban lãnh đạo hết sức quan tâm, tạo điều kiện cho các thành viên trong ban điều hành được tham gia các chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn nhằm nâng cao chất lượng quản trị Tập đoàn. Đây sẽ là nền tảng giúp doanh nghiệp phát triển kinh doanh hiệu quả, giảm chi phí vốn cũng như tạo niềm tin cho các nhà đầu tư hiện hữu và thu hút khách hàng tiềm năng trong tương lai.

ASIA INGREDIENTS GROUP

Your True Partner

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

- **Ý kiến kiểm toán**
- **Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 0012117582/E-22989498-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán cũa Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.690.497.686.772**	**5.429.367.891.888**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***472.517.240.092***	***488.601.295.076***
111	1. Tiền		148.783.815.434	213.921.238.937
112	2. Các khoản tương đương tiền		323.733.424.658	274.680.056.139
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***437.000.000.000***	***1.173.284.771.578***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	437.000.000.000	1.173.284.771.578
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.963.050.676.890***	***1.664.467.569.047***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.751.844.200.977	1.406.242.875.314
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	153.964.590.120	230.023.465.406
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	73.369.235.299	50.248.440.775
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(16.127.349.506)	(22.047.212.448)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***9***	***2.671.448.137.813***	***2.011.008.015.589***
141	1. Hàng tồn kho		2.740.818.278.799	2.046.639.201.272
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(69.370.140.986)	(35.631.185.683)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***146.481.631.977***	***92.006.240.598***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	12.146.707.888	9.850.540.074
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		125.144.222.575	75.855.921.166
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	9.190.701.514	6.299.779.358
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.256.487.239.379**	**1.817.739.979.299**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***6.594.260.811***	***7.262.460.411***
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	230.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	6.594.260.811	7.032.460.411
220	***II. Tài sản cố định***		***1.299.270.028.515***	***1.079.812.325.773***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.268.237.079.152	1.048.997.095.039
222	Nguyên giá		1.860.781.356.037	1.540.105.653.727
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(592.544.276.885)	(491.108.558.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	31.032.949.363	30.815.230.734
228	Nguyên giá		41.436.221.357	38.992.520.257
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.403.271.994)	(8.177.289.523)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***71.335.093.944***	***68.751.583.736***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	*71.335.093.944*	68.751.583.736
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***14***	***234.121.210.920***	***52.743.760.577***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14.1	232.321.182.920	10.877.979.084
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	1.800.028.000	41.865.781.493
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***645.166.645.189***	***609.169.848.802***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	645.166.645.189	609.169.848.802
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.946.984.926.151**	**7.247.107.871.187**

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**3.197.714.713.721**	**3.114.349.758.417**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.137.335.968.693***	***3.019.350.321.720***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	867.329.361.539	944.682.867.860
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	22.075.400.837	46.457.155.857
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	51.905.557.784	41.752.624.702
314	4. Phải trả người lao động		3.071.681.625	2.136.966.035
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	150.861.426.794	250.313.873.219
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		360.000.000	1.372.910.271
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		2.773.252.925	11.394.398.014
320	8. Vay ngắn hạn	19	1.881.828.374.836	1.594.336.622.374
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18,3.15	157.130.912.353	126.902.903.388
330	***II. Nợ dài hạn***		***60.378.745.028***	***94.999.436.697***
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		900.000.000	1.260.000.000
338	2. Vay dài hạn	19	34.904.291.251	68.454.583.876
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	18.316.082.467	18.526.356.511
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		6.258.371.310	6.758.496.310
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**4.749.270.212.430**	**4.132.758.112.770**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***4.749.270.212.430***	***4.132.758.112.770***
411	1. Vốn cổ phần	20.1	*1.706.012.980.000*	1.706.012.980.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.706.012.980.000*	*1.706.012.980.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	174.000.000.000	174.000.000.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.1	1.657.375.939	(476.507.567)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	29.884.223.256	29.884.223.256
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	2.080.443.263.208	1.443.285.073.129
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*1.443.285.073.129*	*882.675.049.475*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		637.158.190.079	*560.610.023.654*
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20.1	757.272.370.027	780.052.343.952
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**7.946.984.926.151**	**7.247.107.871.187**

M.S.D.N: 0314524981 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Minh Đức	Nguyễn Thảo	Trần Việt Hùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	12.925.350.383.001	9.707.046.825.501
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(40.625.710.187)	(22.291.652.447)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	12.884.724.672.814	9.684.755.173.054
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22,26	(11.050.797.171.816)	(8.097.911.521.566)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.833.927.500.998	1.586.843.651.488
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	145.277.194.657	97.100.937.044
22	7. Chi phí tài chính	23	(157.129.842.438)	(65.706.927.712)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(113.488.326.809)*	*(55.159.306.825)*
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	14.1	1.819.203.836	(841.111.825)
25	9. Chi phí bán hàng	24,26	(371.204.116.706)	(305.134.791.501)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24,26	(506.797.827.164)	(502.076.127.015)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		945.892.113.183	810.185.630.479
31	12. Thu nhập khác	25	13.027.385.921	8.708.719.085
32	13. Chi phí khác	25	(2.191.851.061)	(1.225.652.656)
40	14. Lợi nhuận khác	25	10.835.534.860	7.483.066.429
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		956.727.648.043	817.668.696.908
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(161.732.273.895)	(130.968.090.925)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	210.274.044	2.659.022.014
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		795.205.648.192	689.359.627.997

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		667.711.997.683	578.591.536.052
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		127.493.650.509	110.768.091.945
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	3.735	3.286
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	3.735	3.286

M.S.D.N: 0314524981 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Minh Đức	Nguyễn Thảo	Trần Việt Hùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**956.727.648.043**	**817.668.696.908**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11,12	111.365.268.056	106.387.407.687
03	Các khoản dự phòng		27.318.967.361	47.210.899.116
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(667.014.798)	(38.618.242)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(75.637.731.938)	(68.843.841.528)
06	Chi phí lãi vay	23	113.488.326.809	55.159.306.825
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**1.132.595.463.533**	**957.543.850.766**
09	Tăng các khoản phải thu		(596.846.280.179)	(384.237.703.278)
10	Tăng hàng tồn kho		(694.179.077.527)	(970.638.211.736)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(220.750.234.946)	403.304.749.816
12	Tăng chi phí trả trước		(148.780.437.133)	(83.595.583.141)
14	Tiền lãi vay đã trả		(104.785.344.173)	(53.459.949.509)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(154.758.461.454)	(125.562.162.728)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.093.365.455)	(1.302.549.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(788.597.737.334)**	**(257.947.558.810)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(250.371.888.453)	(282.228.399.485)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		843.636.364	192.325.455
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng và tiền cho vay		696.850.488.798	110.915.840.388
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(224.524.000.000)	(6.819.090.909)
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		243.161.002.103	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		61.299.487.734	72.038.004.485
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**527.258.726.546**	**(105.901.320.066)**

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		33.917.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	19	8.757.784.476.438	6.103.702.631.394
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(8.503.699.166.601)	(5.510.483.175.635)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(47.563.158.000)	(6.265.192.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**240.439.151.837**	**586.954.263.759**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(20.899.858.951)**	**223.105.384.883**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**488.601.295.076**	**265.946.937.553**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		4.815.803.967	(451.027.360)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**5**	**472.517.240.092**	**488.601.295.076**

M.S.D.N: 0314524981 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Minh Đức	Nguyễn Thảo	Trần Việt Hùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 10 vào ngày 19 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.160 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.053).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

- *Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")*

  ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")*

  AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")*

  ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

- *Công ty Cổ phần APIS ("APIS")*

  APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")*

  AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 65,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 65,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")*

  AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC")*

  AIC là một công ty cổ phần được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AIC có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AIC là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AIC (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

- *Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")*

  ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 99,18% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

- *Công ty Cổ phần ARC Bình Dương ("ARC")*

  ARC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702831258 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 11 năm 2019. ARC có trụ sở chính đăng ký tại Lô G7, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ARC là dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

  Vào ngày 22 tháng 3 năm 2022, AIC đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, tương ứng với 63,98% tỷ lệ sở hữu trong ARC cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI") theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ.ĐHĐCĐ/2022 ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 3 năm 2022. Theo đó, Công ty đã không còn nắm quyền sở hữu và kiểm soát ARC từ thời điểm trên (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 63,98% tỷ lệ sở hữu và 64,00% quyền biểu quyết).

- *Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")*

  ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết).

- *Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")*

  AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết).

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Công ty liên doanh:

- *Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")*

  Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2021. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 30% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 30% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

Công ty liên kết:

- *Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")*

  TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Sprirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 49% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 49% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

- *Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")*

  ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

  Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty nắm giữ 40% phần vốn chủ sở hữu trong ACI thông qua các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu hao.

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 10 năm
Tài sản khác	4 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	20 - 40 năm

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh được Tập đoàn ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh

Phần vốn góp của Tập đoàn trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất bằng cách hạch toán:

a) giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu và các công nợ mà Tập đoàn có nghĩa vụ thực hiện; và

b) các khoản chi phí phát sinh cũng như phần thu nhập mà Tập đoàn được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con hoạt động ở nước ngoài

Báo cáo tài chính của ACC PTE được lập theo đồng tiền khác với đồng tiền VND của Tập đoàn. Báo cáo chuyển đổi của ACC PTE được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục được phân loại là tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Khoản mục vốn điều lệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày có giao dịch;
- Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá của các khoản mục tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán năm.

Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính là bình quân tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23.630 VND/USD.

Tỷ giá thực tế bình quân trong năm tài chính được xác định dựa trên bình quân của tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch tại đầu và cuối mỗi tháng của tất cả các tháng trong năm tài chính. Tỷ giá thực tế bình quân trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23.301 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và mua bán sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm, hương liệu, nguyên liệu thực phẩm, sản phẩm từ sữa, dừa, nước giải khát, thủy sản, dược phẩm, bánh kẹo và mỹ phẩm; nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thoái vốn ARC

Vào ngày 22 tháng 3 năm 2022, AIC đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, tương ứng với 63,98% tỷ lệ sở hữu trong ARC cho ACI theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ.ĐHĐCĐ/2022 ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 22 tháng 3 năm 2022. Theo đó, Công ty đã không còn nắm quyền sở hữu và kiểm soát ARC từ thời điểm trên.

4.2 Đầu tư vào ACI

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc góp 40% phần vốn điều lệ trong ACI tương đương 215.704.000.000 VND theo các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 25 tháng 4 năm 2022. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn nắm giữ 40% phần vốn chủ sở hữu trong ACI.

4.3 Thành lập ATC

Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 04/2022/QĐ-HĐQT/AIG ngày 11 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu, với tổng vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND, trong đó Công ty sở hữu 99,5% vốn điều lệ. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc góp số vốn 121.000.000.000 VND trên tổng số vốn góp cam kết là 199.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	4.070.649.386	3.386.826.171
Tiền gửi ngân hàng	144.713.166.048	210.534.412.766
Các khoản tương đương tiền *(*)*	323.733.424.658	274.680.056.139
TỔNG CỘNG	**472.517.240.092**	**488.601.295.076**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 1%/năm đến 6,2%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn với kỳ hạn gốc trên sáu (6) tháng nhưng dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,6%/năm đến 11,5%/năm. Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản tiền gửi có kỳ hạn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu khách hàng	1.401.389.990.078	1.004.296.178.047
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	*160.510.795.011*	*69.407.886.333*
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Nguyên - Nhà máy Cà phê Sài Gòn	*98.679.964.800*	*35.259.303.200*
Công ty Cổ phần Sữa Vitadairy Việt Nam	*96.825.070.729*	*32.088.752.357*
Các khách hàng khác	*1.045.374.159.538*	*867.540.236.157*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 28)*	350.454.210.899	401.946.697.267
TỔNG CỘNG	**1.751.844.200.977**	**1.406.242.875.314**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.127.349.506)	(22.047.212.448)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.735.716.851.471**	**1.384.195.662.866**

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản phải thu khách hàng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp Viglacera Yên Mỹ	57.154.416.040	-
Meihua Group International Trading (Hong Kong) Limited	17.629.959.989	-
SPX Flow Technology Singapore Pte Ltd	16.988.304.114	17.887.610.950
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Searefico	-	93.656.229.093
Công ty TNHH Xây dựng Nam Phát Hưng	-	33.629.691.500
Các người bán khác	62.191.909.977	84.849.933.863
TỔNG CỘNG	**153.964.590.120**	**230.023.465.406**

8. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**73.369.235.299**	**50.248.440.775**
Ký quỹ	42.684.922.852	18.598.162.303
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.786.515.844	14.603.868.165
Tạm ứng cho nhân viên	9.565.176.440	8.903.169.457
Khác	10.332.620.163	8.143.240.850
Dài hạn	**6.594.260.811**	**7.032.460.411**
Ký quỹ dài hạn	6.594.260.811	7.032.460.411
TỔNG CỘNG	**79.963.496.110**	**57.280.901.186**
Trong đó:		
Phải thu bên khác	*74.522.474.784*	*52.268.810.272*
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 28)	*5.441.021.326*	*5.012.090.914*

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hàng hóa	1.754.916.153.499	1.105.991.091.268
Hàng đang đi trên đường	385.201.453.065	490.239.046.853
Thành phẩm	279.642.900.336	232.271.198.771
Nguyên vật liệu	272.005.244.920	154.789.521.500
Hàng gửi đi bán	14.087.136.196	28.168.229.662
Công cụ, dụng cụ	30.641.629.785	20.675.152.468
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.282.977.012	13.586.241.434
Thành phẩm từ gia công	40.783.986	918.719.316
TỔNG CỘNG	**2.740.818.278.799**	**2.046.639.201.272**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(69.370.140.986)	(35.631.185.683)
GIÁ TRỊ THUẦN	**2.671.448.137.813**	**2.011.008.015.589**

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Tập đoàn đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	35.631.185.683	3.649.060.968
Dự phòng trích lập trong năm	72.084.155.107	51.765.612.267
Hoàn nhập/sử dụng dự phòng trong năm	(38.345.199.804)	(19.783.487.552)
Số cuối năm	69.370.140.986	35.631.185.683

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**12.146.707.888**	**9.850.540.074**
Phí bảo hiểm	2.752.451.131	2.611.518.672
Công cụ, dụng cụ	1.554.863.700	1.673.900.529
Chi phí thuê văn phòng	1.063.936.187	451.940.175
Khác	6.775.456.870	5.113.180.698
Dài hạn	**645.166.645.189**	**609.169.848.802**
Tiền thuê đất trả trước	604.007.311.150	588.568.503.503
Công cụ, dụng cụ	19.644.169.774	16.918.007.133
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà kho	11.033.102.419	-
Khác	10.482.061.846	3.683.338.166
TỔNG CỘNG	**657.313.353.077**	**619.020.388.876**

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Tập đoàn đã dùng quyền sử dụng đất thuê với giá trị còn lại là 111.258.055.659 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm*	*Thiết bị văn phòng*	*Phương tiện vận tải*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá							
Số đầu năm	574.377.634.626	799.367.233.677	977.375.000	26.950.711.174	136.027.472.272	2.405.226.978	1.540.105.653.727
Mua mới	208.832.497.962	10.648.760.650	-	17.622.245.181	35.021.497.220	-	272.125.001.013
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	35.926.508.337	21.480.060.833	-	-	-	-	57.406.569.170
Thanh lý	-	(7.147.788.469)	-	(40.499.623)	(1.667.579.781)	-	(8.855.867.873)
Số cuối năm	819.136.640.925	824.348.266.691	977.375.000	44.532.456.732	169.381.389.711	2.405.226.978	1.860.781.356.037
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	*35.187.581.734*	*104.816.446.042*	-	*6.446.316.596*	*58.741.701.810*	*1.869.670.119*	*207.061.716.301*
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(123.389.323.043)	(263.534.856.508)	(134.033.538)	(13.163.922.266)	(88.695.868.366)	(2.190.554.967)	(491.108.558.688)
Khấu hao trong năm	(30.064.434.795)	(61.322.687.962)	(26.721.596)	(2.548.960.855)	(15.096.022.528)	(80.457.849)	(109.139.285.585)
Thanh lý	-	6.392.015.535	-	34.382.956	1.277.168.897	-	7.703.567.388
Số cuối năm	(153.453.757.838)	(318.465.528.935)	(160.755.134)	(15.678.500.165)	(102.514.721.997)	(2.271.012.816)	(592.544.276.885)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	450.988.311.583	535.832.377.169	843.341.462	13.786.788.908	47.331.603.906	214.672.011	1.048.997.095.039
Số cuối năm	665.682.883.087	505.882.737.756	816.619.866	28.853.956.567	66.866.667.714	134.214.162	1.268.237.079.152
Trong đó:							
Để thế chấp (Thuyết minh số 19)	*326.434.193.905*	*318.735.093.907*	*809.231.250*	*2.567.386.487*	*14.913.687.665*	-	*663.459.593.214*

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm	34.749.027.604	4.243.492.653	38.992.520.257
Mua mới	-	210.000.000	210.000.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.233.701.100	2.233.701.100
Số cuối năm	34.749.027.604	6.687.193.753	41.436.221.357
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	*3.691.271.822*	*3.691.271.822*
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(4.284.068.871)	(3.893.220.652)	(8.177.289.523)
Hao mòn trong năm	(2.087.017.331)	(138.965.140)	(2.225.982.471)
Số cuối năm	(6.371.086.202)	(4.032.185.792)	(10.403.271.994)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	30.464.958.733	350.272.001	30.815.230.734
Số cuối năm	28.377.941.402	2.655.007.961	31.032.949.363

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí xây dựng nhà máy mới *(*)*	43.483.080.071	51.188.954.686
Mua sắm tài sản	26.722.681.347	6.353.447.419
Chi phí phát triển phần mềm	733.532.526	297.395.505
Khác	395.800.000	10.911.786.126
TỔNG CỘNG	**71.335.093.944**	**68.751.583.736**

(*) Số dư này thể hiện chi phí xây dựng Nhà máy Chế biến Dừa Á Châu Giai đoạn 2, tại Lô EI-2, EI-3 và EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre; dự án nhà máy Glucose tại Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An; và dự án kho lạnh tại Lô G7, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

14.1 *Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh*

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

VND

	TVH	*Nature ACH*	*ACI*	*Tổng cộng*
Giá trị đầu tư				
Số đầu năm	9.919.090.909	1.800.000.000	-	11.719.090.909
Tăng trong năm	3.920.000.000	-	215.704.000.000	219.624.000.000
Số cuối năm	13.839.090.909	1.800.000.000	215.704.000.000	231.343.090.909
Phần lũy kế lãi (lỗ) sau khi liên doanh/mua các công ty liên doanh, liên kết				
Số đầu năm	(321.934.695)	(519.177.130)	-	(841.111.825)
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	(902.941.551)	1.727.980.239	994.165.148	1.819.203.836
Trong đó:				
(Lỗ) lãi được chia trong năm	(902.941.551)	1.727.980.239	994.165.148	1.819.203.836
Số cuối năm	(1.224.876.246)	1.208.803.109	994.165.148	978.092.011
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	9.597.156.214	1.280.822.870	-	10.877.979.084
Số cuối năm	12.614.214.663	3.008.803.109	216.698.165.148	232.321.182.920

14.2 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trái phiếu	**1.500.000.000**	**41.565.753.493**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	-	40.065.753.493
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam *(*)*	1.500.000.000	1.500.000.000
Bảo hiểm nhân thọ	**300.028.000**	**300.028.000**
Bảo hiểm nhân thọ tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam *(**)*	300.028.000	300.028.000
TỔNG CỘNG	**1.800.028.000**	**41.865.781.493**

(*) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

50 Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2019, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1.2%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu;

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau (tiếp theo):

5.000 Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2020, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 0.9%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu; và Tập đoàn đã sử dụng số trái phiếu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 19)*.

5.000 Trái phiếu có kỳ hạn 8 năm kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2020, hưởng lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1%/năm, trả sau. Lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất. Phương thức trả lãi một năm/lần. Mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu. Tập đoàn đã sử dụng số trái phiếu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng *(Thuyết minh số 19)*.

(**) Tập đoàn đã mua bảo hiểm nhân thọ cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty để đáp ứng điều kiện cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ này có kỳ hạn trả gốc năm (5) năm và hưởng lãi suất cố định hàng năm tới năm thứ mười sáu (16).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả bên khác	863.469.195.721	926.008.086.250
Công ty TNHH Givaudan Việt Nam	*75.330.406.122*	*70.747.893.847*
Firmenich Asia Private Limited	*73.768.152.970*	*90.673.195.620*
Givaudan Singapore Pte Ltd	*67.474.849.819*	*46.099.547.694*
DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte Ltd.	*56.105.030.972*	*54.249.238.200*
Open Country Dairy Limited	*43.762.921.891*	*68.310.086.512*
Người bán khác	*547.027.833.947*	*595.928.124.377*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 28)*	3.860.165.818	18.674.781.610
TỔNG CỘNG	**867.329.361.539**	**944.682.867.860**

15.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Người mua khác trả tiền trước	21.930.133.337	46.457.155.857
Guangxi Chuangjian Food Science & Technology Co.,Ltd	*3.666.562.387*	*1.644.321.440*
Chengdu Huimeng Jinxing Trading Co., Ltd	-	*17.342.379.168*
Người mua khác	*18.263.570.950*	*27.470.455.249*
Bên liên quan trả tiền trước *(Thuyết minh số 28)*	145.267.500	-
TỔNG CỘNG	**22.075.400.837**	**46.457.155.857**

B09-DN/HN

VND

	Số đã nộp trong năm	*Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND*	*Thanh lý công ty con*	*Số cuối năm*
	(154.758.461.454)	196.837.026	(111.775.249)	32.900.529.363
	(83.785.935.049)	-	(44.319.000)	8.439.201.650
	(764.798.083.472)	-	-	(6.924.293.326)
	(179.213.999.994)	-	-	8.299.418.583
	(3.541.550)	-	-	-
	(54.250.000)	-	-	-
	(100.000.000)	-	-	-
	(1.182.714.271.519)	**196.837.026**	**(156.094.249)**	**42.714.856.270**
				51.905.557.784
				(9.190.701.514)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.841.655.145	161.732.273.895
Thuế thu nhập cá nhân	4.093.804.053	88.175.651.646
Thuế giá trị gia tăng	6.783.957.034	751.089.833.112
Thuế nhập khẩu	(1.266.570.888)	188.779.989.465
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	3.541.550
Thuế môn bài	-	54.250.000
Thuế khác	-	100.000.000
TỔNG CỘNG	**35.452.845.344**	**1.189.935.539.668**
Trong đó:		
Thuế phải nộp	*41.752.624.702*	
Thuế nộp thừa	*(6.299.779.358)*	

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lương tháng 13 và thưởng	123.175.102.187	213.077.751.434
Lãi vay	13.501.654.192	4.776.511.157
Chi phí hỗ trợ bán hàng	11.137.204.849	18.445.708.220
Khác	3.047.465.566	14.013.902.408
TỔNG CỘNG	**150.861.426.794**	**250.313.873.219**

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	126.902.903.388	109.540.905.560
Trích lập quỹ trong năm	31.321.374.420	18.664.546.828
Sử dụng quỹ trong năm	(1.093.365.455)	(1.302.549.000)
Số cuối năm	157.130.912.353	126.902.903.388

19. VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Vay ngắn hạn	**1.881.828.374.836**	**1.594.336.622.374**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 19.1)*	1.864.376.229.200	1.550.776.329.750
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 19.2)*	17.452.145.636	43.560.292.624
Vay dài hạn	**34.904.291.251**	**68.454.583.876**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 19.2)*	34.904.291.251	68.454.583.876
TỔNG CỘNG	**1.916.732.666.087**	**1.662.791.206.250**

Tình hình tăng, giảm các khoản vay như sau:

VND

	Vay ngắn hạn	*Vay dài hạn*	*Tổng cộng*
Số đầu năm	1.594.336.622.374	68.454.583.876	1.662.791.206.250
Tiền thu từ đi vay	8.757.784.476.438	-	8.757.784.476.438
Vay dài hạn đến hạn trả	17.452.145.636	(17.452.145.636)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(8.487.601.019.612)	(16.098.146.989)	(8.503.699.166.601)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	(143.850.000)	-	(143.850.000)
Số cuối năm	1.881.828.374.836	34.904.291.251	1.916.732.666.087

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*		*Kỳ hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND	*Nguyên tệ USD*		*%/năm*	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	819.606.256.914	-	Từ ngày 9 tháng 9 năm 2022 đến ngày 28 tháng 4 năm 2023	5,20 – 8,00	Quyền sử dụng đất và tài sản và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 35, Lô K4B, Ấp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Hàng hóa trong kho trị giá 495.000.000.000 VND; và khoản phải thu khách hàng trị giá 395.000.000.000 VND.
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	563.422.821.335	-	Từ ngày 3 tháng 10 năm 2022 đến ngày 28 tháng 03 năm 2023	7,15 – 10,35	Hàng hóa hoặc hàng tồn kho trị giá 580.000.000.000 VND; và các khoản phải thu khách hàng (không bao gồm các khoản phải thu từ Vinamilk) trị giá 330.000.000.000 VND.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh	129.909.950.227	-	Từ ngày 22 tháng 11 năm 2022 đến ngày 26 tháng 6 năm 2023	9,00 – 10,50	Tài sản cố định vô hình, tài sản cố định hữu hình và hàng tồn kho theo danh mục tại thời điểm báo cáo, vốn góp của ông Nguyễn Viết Hùng trong AHS, các trái phiếu trị giá 1.500.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình	87.685.673.268	-	Từ ngày 10 tháng 11 năm 2022 đến ngày 21 tháng 3 năm 2023	7,80 – 8,30	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 124.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	63.441.400.000	2.660.000	Từ ngày 19 tháng 08 năm 2022 đến ngày 28 tháng 3 năm 2023	3,50 – 5,00	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 73.500.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	48.500.000.000	-	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2022 đến ngày 25 tháng 1 năm 2023	8,10	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 71.000.000.000 VND

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	*Số cuối năm*		*Kỳ hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND	*Nguyên tệ USD*		*%/năm*	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan (Việt Nam)	57.249.285.209	-	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2022 đến ngày 25 tháng 1 năm 2023	7,52 – 8,55	Khoản phải thu luân chuyển có giá trị ít nhất là 20.000.000.000 VND, và hàng tồn kho luân chuyển có giá trị ít nhất là 40.000.000.000 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	40.874.743.315	522.000	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2022 đến ngày 27 tháng 4 năm 2023	2,0 – 7,2	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank - Chi nhánh Hồ Chí Minh	33.473.559.172	-	Từ ngày 15 tháng 11 năm 2022 đến ngày 21 tháng 1 năm 2023	7,8 – 8,0	Hàng hóa trong kho trị giá 100.000.000.000 VND;
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	14.359.550.000	605.000	Từ ngày 16 tháng 8 năm 2022 đến ngày 7 tháng 3 năm 2023	3,50 – 5,00	Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 25.000.000.000 VND
MUFG Bank, Ltd.- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.602.791.360	-	Từ ngày 2 tháng 12 năm 2022 đến ngày 12 tháng 1 năm 2023	8,87 – 9,10	Các hóa đơn bán hàng cho Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
HSBC Limited – Singapore Branch	1.250.198.400	52.800	Từ ngày 29 tháng 12 năm 2022 đến ngày 28 tháng 04 năm 2023	6.00	Khoản phải thu khách hàng (không bao gồm các khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam) trị giá 10.000.000 USD
TỔNG CỘNG	**1.864.376.229.200**	**3.839.800**			

19. VAY (tiếp theo)

19.2 *Khoản vay ngân hàng dài hạn*

Chi tiết khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	52.356.436.887	Từ ngày 20 tháng 10 năm 2020 đến ngày 20 tháng 10 năm 2025	4,63 – 5,90	Quyền sử dụng Thửa đất số 151A, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
	52.356.436.887			
Trong đó:				
Vay dài hạn	*34.904.291.251*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*17.452.145.636*			

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Năm trước:							
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	(15.256.597)	29.884.223.256	882.675.049.475	678.849.999.226	3.471.406.995.360
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	578.591.536.052	110.768.091.945	689.359.627.997
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.981.512.398)	(683.034.430)	(18.664.546.828)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(8.865.192.000)	(8.865.192.000)
Chênh lệch do chuyển đổi sang VND	-	-	(461.250.970)	-	-	(17.520.789)	(478.771.759)
Số cuối năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	(476.507.567)	29.884.223.256	1.443.285.073.129	780.052.343.952	4.132.758.112.770

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Năm nay							
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	(476.507.567)	29.884.223.256	1.443.285.073.129	780.052.343.952	4.132.758.112.770
Tăng vốn điều lệ công ty con (*)	-	-	-	-	-	33.917.000.000	33.917.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	667.711.997.683	127.493.650.509	795.205.648.192
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(30.553.784.086)	(767.590.334)	(31.321.374.420)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(44.963.158.000)	(44.963.158.000)
Chênh lệch do chuyển đổi sang VND	-	-	2.133.883.506	-	-	81.056.358	2.214.939.864
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	(23.518)	23.518	-
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	-	(138.540.955.976)	(138.540.955.976)
Số cuối năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	1.657.375.939	29.884.223.256	2.080.443.263.208	757.272.370.027	4.749.270.212.430

(*) Vào ngày 25 tháng 1 năm 2022, ACP đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 123.800.000.000 VND lên 247.600.000.000 VND theo Quyết định Đại hội đồng Cổ đông số 03/2021/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021. Theo đó, phần vốn của lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng thêm 32.900.000.000 VND.

Vào ngày 18 tháng 1 năm 2022, AIC đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 262.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ.ĐHĐCĐ/2022 ngày 5 tháng 1 năm 2022. Theo đó, phần vốn của lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng thêm 17.000.000 VND.

Vào ngày 11 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Nghị quyết số 04/2022/QĐ-HĐQT/AIG về việc thành lập ATC với tổng vốn cổ phần là 200.000.000.000 VND. Theo đó, phần vốn của lợi ích cổ đông không kiểm soát đã góp là 1.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	*170.601.298*	*170.601.298*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*170.601.298*	*170.601.298*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20.4 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	667.711.997.683	578.591.536.052
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi *(*)*	(30.553.784.086)	(17.981.512.398)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	637.158.213.597	560.610.023.654
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm *(cổ phiếu)*	170.601.298	170.601.298
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**3.735**	**3.286**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**3.735**	**3.286**

(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/NQ-ĐHĐCD ngày 4 tháng 6 năm 2022 của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Số 01.22/NQCĐ/ACC ngày 16 tháng 5 năm 2022 của ACC.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**12.925.350.383.001**	**9.707.046.825.501**
Doanh thu bán hàng hóa	9.459.036.565.832	7.012.608.738.659
Doanh thu bán thành phẩm	3.462.943.163.457	2.691.317.059.059
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.370.653.712	3.121.027.783
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(40.625.710.187)**	**(22.291.652.447)**
Chiết khấu thương mại	(4.227.912.750)	(4.672.523.808)
Hàng bán bị trả lại	(35.953.894.754)	(17.500.233.921)
Giảm giá hàng bán	(443.902.683)	(118.894.718)
Doanh thu thuần	**12.884.724.672.814**	**9.684.755.173.054**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	*9.427.591.554.881*	*6.994.402.774.315*
Doanh thu bán thành phẩm	*3.453.762.464.221*	*2.687.231.370.956*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*3.370.653.712*	*3.121.027.783*

21.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	71.150.002.434	27.383.384.507
Lãi tiền gửi	50.501.958.509	68.486.085.845
Thu từ thanh lý công ty con	19.079.821.717	-
Lãi trái phiếu	4.545.411.997	1.231.466.692
TỔNG CỘNG	**145.277.194.657**	**97.100.937.044**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng hóa đã bán	8.397.218.303.161	6.024.448.031.572
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.618.980.583.381	2.041.223.994.575
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	34.598.285.274	32.239.495.419
TỔNG CỘNG	**11.050.797.171.816**	**8.097.911.521.566**

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi vay ngân hàng	113.488.326.809	55.159.306.825
Lãi vay bên liên quan (Thuyết minh số 28)	922.689.862	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	42.718.825.767	10.542.518.836
Chiết khấu thanh toán	-	5.102.051
TỔNG CỘNG	**157.129.842.438**	**65.706.927.712**

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**371.204.116.706**	**305.134.791.501**
Chi phí vận chuyển	145.281.285.930	109.427.023.448
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi và môi giới	82.111.057.696	92.305.429.344
Chi phí lương nhân viên	78.818.425.387	60.792.439.441
Khác	64.993.347.693	42.609.899.268
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**506.797.827.164**	**502.076.127.015**
Chi phí lương nhân viên	260.845.798.007	305.445.801.230
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	50.399.800.554	29.682.072.760
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	35.001.518.351	29.963.713.528
Khác	160.550.710.252	136.984.539.497
TỔNG CỘNG	**878.001.943.870**	**807.210.918.516**

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**13.027.385.921**	**8.708.719.085**
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ việc bán tài sản dài hạn nội bộ được thực hiện trong năm nay khi thanh lý công ty con	4.916.498.074	-
Tiền bồi thường	1.782.232.418	5.982.512.570
Khác	6.328.655.429	2.726.206.515
Chi phí khác	**(2.191.851.061)**	**(1.225.652.656)**
Chi phí thanh lý tài sản cố định	(308.664.121)	(32.599.184)
Chi phí bồi thường	-	(244.080.000)
Khác	(1.883.186.940)	(948.973.472)
LỢI NHUẬN KHÁC	**10.835.534.860**	**7.483.066.429**

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí mua hàng hóa	8.400.503.242.867	6.054.787.871.420
Chi phí mua nguyên vật liệu	2.293.924.883.066	1.756.567.677.302
Chi phí nhân công	436.892.754.044	456.670.889.665
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 11 và 12)*	111.365.268.056	106.387.407.687
Chi phí khác	686.112.967.653	530.708.594.008
TỔNG CỘNG	**11.928.799.115.686**	**8.905.122.440.082**

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con thành lập tại Việt Nam là 20% thu nhập chịu thuế.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho ACC PTE thành lập tại Singapore là 17% thu nhập chịu thuế và được hưởng các khoản ưu đãi thuế theo luật thuế hiện hành.

APIS được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho APIS trong 4 năm tiếp đối với hoạt động sản xuất liên quan đến dự án đầu tư mới tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A. Trường hợp dự án đầu tư mới không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư kể từ năm dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu (năm 2020).

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động chính của AFI là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008) và theo mức thuế suất hiện hành trong các năm tiếp theo. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20% thu nhập chịu thuế. AFI được miễn thuế TNDN đối với các hoạt động chính trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho AFI trong 7 năm tiếp theo. Đối với dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, Công ty được miễn thuế 2 năm tính từ năm 2021, và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động chính của ACP là 17% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế (năm 2017) và theo mức thuế suất hiện hành trong các năm tiếp theo. ACP được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2018) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 4 năm tiếp theo.

AHS được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án Nhà máy chế biến tinh bột sắn tại mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm. AHS được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2018) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho AHS trong 9 năm tiếp theo. AHS có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất phổ thông hiện hành là 20% trên thu nhập chịu thuế từ bán các hoạt động khác. Đối với dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất (nhà máy sản xuất đường lỏng Glucose), Công ty được miễn thuế 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2021), và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.

Báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	157.450.296.750	130.905.184.461
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	4.281.977.145	62.906.464
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(210.274.044)	(2.659.022.014)
TỔNG CỘNG	**161.521.999.851**	**128.309.068.911**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**956.727.648.043**	**817.668.696.908**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	177.821.216.471	156.292.261.034
Điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	10.798.617.378	14.844.293.144
Các khoản dự phòng	4.623.178.181	3.484.040.823
Khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	1.382.966.884	1.467.924.501
Lỗ thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	28.069.461	6.037.024
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(398.756.596)	(4.273.500.168)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	4.281.977.145	62.906.464
Thuế được miễn, giảm của các công ty con	(39.238.047.305)	(44.373.971.669)
Khác	2.222.778.232	799.077.758
Chi phí thuế TNDN	**161.521.999.851**	**128.309.068.911**

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được trình bày báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Chênh lệch phát sinh do đánh giá lại tài sản từ hợp nhất công ty con	(23.633.043.338)	(23.570.160.255)	(62.883.083)	1.999.997
Dự phòng trợ cấp thôi việc	189.375.000	289.400.000	(100.025.000)	45.820.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.732.659.216	1.463.457.468	2.269.201.748	989.668.871
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(1.375.025.483)	(1.478.860.909)	103.835.426	(1.478.860.909)
Lãi chưa thực hiện	2.493.407.900	3.719.453.200	(1.226.045.300)	2.133.451.221
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	119.656.627	1.028.665.743	(909.009.116)	981.289.960
Chi phí trích trước	114.825.989	21.688.242	93.137.747	(14.347.126)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.061.622	-	42.061.622	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	***(18.316.082.467)***	***(18.526.356.511)***		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			***210.274.044***	***2.659.022.014***

Chi tiết tình hình tăng (giảm) thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	(18.526.356.511)	(21.185.378.525)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	210.274.044	2.659.022.014
Số cuối năm	(18.316.082.467)	(18.526.356.511)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.4 *Lỗ chuyển sang năm sau*

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 liên tục năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế là 28.105.370.146 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 30.281.304.940 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*		*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2022*
AIG						
2018	2023	3.042.274.999	(*)	(3.042.274.999)	-	-
2019	2024	37.869.984.009	(*)	(14.552.502.539)	-	23.317.481.470
2020	2025	1.634.599.571	(*)	-	-	1.634.599.571
ACP						
2019	2024	6.689.427.064	(*)	(6.689.427.064)	-	-
AFC						
2017	2022	373.134.688	(*)	-	(373.134.688)	-
2018	2023	2.150.059.862	(*)	-	-	2.150.059.862
2019	2024	750.184.509	(*)	-	-	750.184.509
2021	2026	62.061.861	(*)	-	-	62.061.861
2022	2027	190.982.873	(*)			190.982.873
TỔNG CỘNG		**52.762.709.436**		**(24.284.204.602)**	**(373.134.688)**	**28.105.370.146**

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trị giá 28.105.370.146 VND do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và có giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lars Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Bùi Quang Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Trầm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lee Ying Leong	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đoàn Minh Quân	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Giám đốc của công ty con
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Cổ đông lớn

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Bán hàng hóa	2.233.579.002.265	1.944.082.464.220
		Mua hàng hóa	1.868.372.250	4.281.276.100
		Mua dịch vụ gia công hàng hóa	56.106.713.124	-
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Cổ đông lớn	Nhận chuyển nhượng cổ phần	215.704.000.000	-

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Bán hàng hóa	20.567.023.000	26.476.710.560
		Mua hàng hóa	91.953.182.000	164.764.240.000
		Phạt vi phạm hợp đồng	-	38.500.000
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	1.609.950.000	420.000.000
		Doanh thu nhận trước	-	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Á Châu	Công ty liên kết	Cho vay	90.000.000.000	-
		Thu hồi khoản cho vay	90.000.000.000	-
		Lãi vay	477.123.287	-
		Thu tiền lãi vay	477.123.287	-
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	1.432.105.000	-
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông lớn, Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của công ty con	Vay	63.200.000.000	13.330.000.000
		Thu hồi khoản cho vay	63.200.000.000	13.330.000.000
		Lãi vay	445.566.575	-
		Trả lãi vay	445.566.575	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Bán hàng hóa	347.266.562.842	398.495.555.267
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Bán hàng hóa	2.981.215.000	3.407.142.000
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	206.433.057	44.000.000
			350.454.210.899	**401.946.697.267**

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Chi hộ	431.701.746	2.771.334
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông lớn, Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của công ty con	Tạm ứng	3.071.080.000	3.071.080.000
			3.502.781.746	**3.073.851.334**
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Đặt cọc thuê văn phòng	1.938.239.580	1.938.239.580
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Bán hàng hóa	145.267.500	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Cổ đông lớn của công ty con	Mua hàng	442.484.318	22.181.610
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thanh Hưng	Công ty chung cổ đông lớn với công ty con	Mua hàng	3.417.681.500	18.652.600.000
			3.860.165.818	**18.674.781.610**
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Khác	-	9.031.766
Doanh thu chưa thực hiện				
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH	Công ty liên doanh	Doanh thu nhận trước	1.260.000.000	1.620.000.000

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.438.200.000	1.759.068.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	2.080.911.111	923.166.667
Ban Kiểm soát		
Thù lao	132.000.000	132.000.000
TỔNG CỘNG	**4.651.111.111**	**2.814.234.667**

29. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	29.484.219.844	14.903.640.028
Từ 1 đến 5 năm	81.841.553.794	13.130.834.503
Trên 5 năm	59.344.037.715	51.361.887.787
TỔNG CỘNG	**170.669.811.353**	**79.396.362.318**

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Vũ Minh Đức	Nguyễn Thảo	Trần Việt Hùng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG

Người đại diện theo pháp luật

M.S.D.N: 0314524981 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN VIỆT HÙNG